28

mua số 207 (1-11-1934)

SÙNG THỰC TRUẤT HƯ

崇實黜虛

(Phải sùng-chuộng sự chân-thực, truất bỏ điều hư-huyễn)

Trên mặt địa-cầu, có lẽ không có đâu, không có bao giờ, người ta lại có cái tính trái ngược với lệ tiến-hóa bằng người Việt-Nam. Tính ấy là cái tính không ưa sự thực-thà mà chỉ thích điều hư-ngụy.

Tiến-hóa là một cái công-trình do sự chân-thực mà tiến lên được, mà hóa ra được. Người phải có thực-tâm, thực-lực, việc phải có thể hiện ra thực-tế hiển-nhiên, lấy thực-học làm nền, lấy thực-lợi làm gốc, có nhân thì mới có quả, có gốc thì mới có ngọn, lẽ cố-nhiên và tất-nhiên như vậy.

Cây hoa giấy dù khéo đến đâu, giống với hoa thực đến đâu, cũng không bao giờ tự nó nẩy mầm được, là vì nó không phải là cây thực. Con ngựa gỗ dù bức-chân đến đâu, linh-động đến đâu, cũng không khi nào đẻ ra con được, là vì nó không phải là ngựa thực.

Cây giấy không nẩy mầm, ngựa gỗ không đẻ con ; không nẩy mầm, không đẻ con, còn lấy đâu cho tự nó và lấy đâu làm ra loài giống nó để ngày một phát-đạt, tốt đẹp hơn lên được. Lẽ rất tầm-thường, ai mà không hiểu. Tiến đã không tiến giả được, thì hóa hà hóa đối được đâu. Ấy thế mà một cái dân-tộc đã mắc phải cái bệnh không ưa sự thực chỉ thích sự hư, mà mong cho được tiến-hóa cho kịp với cuộc đời mà hết thảy cái gì người ta cũng vụ-thực này, thì có khác gì mong cây giấy nẩy mầm, mong ngựa gỗ đẻ con không ?

Từ tư-tưởng đến hành-vi tập-quán, tự việc nhỏ-nhặt cho đến việc lớn-lao, cái gì cũng chỉ có hư mà không có thực; người Việt-Nam lâu nay sở-dĩ trong mất tín-nhiệm với đồng-bào, ngoài mất tín-nhiệm với người ngoại-quốc, từ việc giao-tế trở đi là do ở cái tính ưa sự hư ghét sự thực ấy. Cái tiếng « người Việt-Nam hay giả dối » bị ngờ-vực, bị sỉ-mạ, trong không dám tin nhau, ngoài không được người tin, lâu nay đã là lời thường cửa miệng, ai mà không biết, ai còn ghét gì mà bịa-đặt ra để bêu diếu. Mà sở-dĩ hay giả dối là do ở cái căn-bệnh không ưa sự thực chỉ thích điều hư mà ra.

Do cái cớ hiện-tiền mà nói thì người Việt-Nam đối với cuộc tân-tiến-hóa, đã vừa dốt lại vừa nghèo như bây giờ là vì tân-học chưa phát-đạt, lợi-quyền chưa hưng-khởi. Nhưng lấy cái cớ sâu xa mà xét thì tân-học với quyền-lợi đều là những cái hiện-thực, nếu kẻ không có cái óc vụ-thực, không thực lòng ham, không thực lực làm, thì không hồ dễ mà tự có được. Vẫn biết, đan-cử như một việc tân-học, hiện nay thì chưa thịnh-hành thực, nhưng không phải là toàn nhiên chưa có chút nào. Thế mà bao nhiêu kẻ chính đã được đào-luyện trong trường tân-học đông nói thì tự-phụ là người mới, mà cái óc vẫn mơ-màng, tin chuộng những điều huyền-ảo, hám hư-vinh, vụ hư-sức không kém gì bọn hủ-bại vô-học chốn thôn-quê. Đó há không phải là bởi cái bệnh-căn thích sự hư sợ sự thực mà ra đấy ư? Coi đó đủ biết cái óc mơ-màng

rất không thích hợp với tân-học là cái học hiện-thực. Cây hoa xứ lạ quyết không khi nào mọc, hay là có tình-cờ vì cớ khác bay hạt giống đến mà mọc, thì quyết cũng không thể nào nẩy nở tốt-tươi và sống còn mãi được ở trong cái vườn mà chủ-nhân không ưa thích nó bao giờ. Vậy một cái học đã trái với bản-tính của người dân thì làm sao mà phát-đạt được. Học-thức là mẹ đẻ mọi việc làm, thực-học đã không phát-đạt thì còn làm gì mà có được thực-lợi thực-quyền.

Suy cùng đến cỗi rễ, sở-dĩ dưỡng-thành ra cái thiên-tính thứ hai là cái tính thích sự hư sơ sự thực ấy cho người Việt-Nam, không phải là một ngày mà nên vậy. Kể từ khi cái học khoa-cử toàn-thịnh, những chính-thể chúa Mạc chúa Trịnh xuất-hiện trở đi, ba bốn trăm năm đằng-đẵng, người Việt-Nam ăn ngủ ở dưới những cái chế-độ hư-danh, tắm gội ở trong một trường học hư-văn. Lại thêm được đất nước màu-mỡ, người không phải nhọc lòng tổn sức để phấn-đấu với cõi tự-nhiên mà cũng được đủ no ấm. Bắc người ta hòa, Nam người ta chịu, không cần phải mài rũa trí-lực để ganh đua với người ngoài mà cũng đủ giữ được cơ-đồ. Do bốn cớ đó đủ gây nên cho người Việt-Nam cái tính yêu sự hư-huyền, sợ sự chân-thực. Nhịn ăn nhịn mặc, bóp mồm miệng vợ con để chuốc lấy miếng phần làng, dốc sản-nghiệp đi để mua lấy cái danh-diện trong thôn xóm. Tôn-sùng những cái danh xưng và phẩm-vị về nhân-tước, mà coi thường những đạo-đức học-thức kỹ-năng. Học-vấn thì chỉ chăm mấy câu từ-chương tán-tụng như biểu chiếu trướng đối, mà không biết giảng-cầu đến chỗ tinh-túy của cổ-nhân, thế mà vẫn tự-phụ mình là Nho-giả. Cho đến nông-thương kỹ-nghệ cũng đều dối-giả để lừa người mà thực tự lừa mình cả. Tới gần đây, đối với cuộc văn-minh Tây phương, trước thì gàn-bứa xua đẩy, sau thì khiếp-phục mê-man. Rồi thì chẳng kịp xét xem cái gì là gốc, cái gì là ngọn, cái gì là cần, cái gì là hoãn, mà chỉ đua phóng chép lấy mấy cái bã phiền-hoa, để che đậy tai mắt thế-gian, dương-dương tự-đắc, thế là văn-minh lắm rồi đó.

Ôi, bạn ơi tôi thâm-hiểu bạn lắm, tôi thâm-hiểu cái văn-minh mới một cách riêng mà bạn muốn tự ý xây đắp lên cho nòi giống là lấy phấn thải hương thừa mà bôi trát lên những cái vết ô-uế, lấy tiếng cười gần để lấp những giọng rên-rỉ đau ngầm. Ôi, văn-minh mà có thể dùng cách trang-tác giả-mạo ấy mà làm nên được, thì khắp mặt địa-cầu đâu đấy đều đã văn-minh tiến-hóa cả từ bao giờ rồi.

Một nhà đại-danh trong cái học tiến-hóa hiện giờ, ông HUXLEY có nói: « Những sự hợp-quần lại mà cai-trị làm ăn với nhau, nó cũng giống như những cây rau cây lúa. Còn những sự văn-hoa rực-rỡ bề ngoài thì nó chỉ như cây hoa hải-đường để cho đẹp nhà mà thôi. Cho nên hễ đời nào văn càng thắng chất lắm thì càng sinh ra giả-dối. Ngày càng xuất-hiện ra lắm những cái sắc đẹp, tiếng hay, mùi ngon, ý lạ, cùng-cực quá thì những bệnh quáng mắt, ù tai và phát điên-cuồng lại ngày càng thêm nhiều ».

Chúng ta nên ngẫm kỹ câu ấy, ở cái chỗ rất văn-minh tiến-hóa, rất giàu mạnh, mà người hiền-giả còn phải lo xa cái hại phiền-hoa cho đời như thế, nữa là ở nơi đã nghèo lại dốt mà còn cứ ham hót lấy những xác pháo phiền-hoa ở đình-đám nhà giàu, đem về đồ ra nhà ra sân để phô là cũng biết mùi

ăn chơi chẳng kém gì. Thì có đáng tức cười không!

Nay chúng ta đã biết cái bệnh-căn ưa sự hư sợ sự thực nó khiến cho người Việt-Nam bị thua kém lỡ-làng trên con đường tân-tiến-hóa của hoàn-hải là thế nào. Vậy từ nay ta phải ăn-năn cải-quá để mà tự-tân. Phải tìm thuốc thang mà trừ-khử cho tiệt-nọc cái bệnh di-truyền tai-hại ấy. Một liều thuốc hằng ngày thường dùng và càng dùng lâu càng công-hiệu để trừ cho tiệt-nọc cái bệnh-căn di-truyền « ưa sự hư sợ sự thực » ấy chính là bốn chữ « sùng thực, truất hư » vậy.

Sùng-thực là sùng chuộng sự chân-thực, truất-hư là truất bỏ sự hư-huyền. Nghĩa là đối với cái gì, từ tư-tưởng đến hành-vi, từ vô-hình đến hữu-hình, từ nhỏ đến lớn, đều trước phải lấy bốn chữ « sùng thực, truất hư » để làm khuôn mực mà noi theo, mà suy-diễn, mà sát-hạch phê-bình. Hợp với chủ-nghĩa ấy thì làm, trái với chủ-nghĩa ấy thì bỏ.

Về tư-tưởng phải sùng-thực mà truất-hư là lấy chủ-nghĩa tiến-hóa làm mục-đích đời người, mà xa lánh những chủ-nghĩa siêu-huyền, yếm-thế. Qui canh-tân mà khinh thủ-cựu.

Về học-thuật phải sùng-thực mà truất-hư là: lấy những cái học giảng-cầu vật-lý nhân-sinh làm gốc, mà cho những cái học từ-chương thi-phú làm ngọn. Trọng những nghề-nghiệp thực ích, thực-dụng và thực-lợi, hơn là những cái thuật chỉ cung cho sự du-ngoạn một lúc. Tin những lẽ thực-nghiệm mà không tin những lời ức-đoán và bài-trừ hết những thuyết « lý-số » vô-kê.

Về phong-tục phải sùng-thực mà truất-hư là: khinh-bỉ thói phiền-hoa phù-bạc mà qui trọng thói chất-phác trung-hậu. Trọng sinh-nghiệp mà không trọng hư-danh thịt xôi ngôi thứ. Yêu chuộng những sự thực-đức thực-tài mà không yêu chuộng những sự danh hờ vinh giả. Tôn sự công-bằng ngay-thẳng mà ghét sự gian-tà luồn-lụy.

Về lễ-giáo phải sùng-thực mà truất-hư là: học người Pháp: yêu bình-đẳng mến tự-do, sùng bác-ái, mà không thích những cái trật-tự, danh-phận vô-nghĩa mà ép-uổng giẫy đạp lẫn nhau. Qui chân-tình mà khinh ngoại-mạo. Tín-ngưỡng tôn-sùng những việc công-đức ơn-nghĩa có quan-thiết đến đời người, chứ không nô-lệ, sợ uy, cầu mị với quỉ-thần.

Về sinh-hoạt phải sùng thực mà truất hư là: yêu thanh-khiết, thích cần-lao, ưa tiết-kiệm, cần những điều ấm cật no lòng hơn là những cái phù-hoa hào-nháng.

Đó là lược-cử mấy mục làm tỉ-lệ, người thức-giả sẽ suy đó mà ứng-dụng ra còn nhiều. Như là pháp-luật, như là chính-trị, như là nghệ-nghiệp làm ăn, đều phải sùng-thực mà truất-hư, để mà chữa bỏ cái bệnh di-truyền lâu đời là « ưa hư mà sợ thực ». Có như vậy thì mới có thể nói đến chuyện thực-học, thực-lợi và thực-quyền, mới có thể nói đến chuyện tiến-hóa được.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

MỘT BỨC « VẠN-NGÔN-THƯ »

của Vương An-Thạch dâng vua Tống Thần-tôn (1)

■

Tiểu-dẫn.— *Vương An-Thạch tức là Vương-Kinh-công ở đời Tống Thần-tôn. Ông là một người tài-học vô cùng, khi do một chức-quan nhỏ mà nhảy lên làm Tể-tướng triều vua Thần-tôn, thì hăng-hái về sự cải-cách, phải bị nhiều người ghen-ghét, công-kích trăm ngả, khiến cho những kế-hoạch của ông thi-hành, đều bị thất-bại. Đến nỗi dư-luận hồi đó, đều mục cho ông ta là một người tiểu-nhân sau lại các nhà Nho, đều cứ hùa-hùa theo một cái lý-luận ấy. Không ngờ đến bây giờ học-giới khuếch-trương, dư-luận ở Trung-hoa mới cho ông ta là một người « đại-văn-học, đại-chính-trị ». Nay xét ông ta là một người đọc hết các sách, mà đối với học-giới thì có nói rằng : « Phải bỏ cho hết lối văn-vần, văn tứ-lục, mới tìm ra được lối văn-chương hữu-dụng » ; còn khi ra xuất-sĩ thì ông ta chỉ ưa làm ở các địa-phương, để mưu-trù các việc công-lợi như đê-điều, đường-sá, cho dân được nhờ, chứ mỗi khi được cử về làm chức gì ở Kinh-đô, thì ông ta đều từ-chối cả ; về đường chính-trị thì ông ta nhất ghét mấy người ô-quan tham-lại, nay xem một tập văn của ông ta, có đến 191 bài, phần đa-số là văn-xuôi, mà nhất là bức Vạn-ngôn-thư này là dài hơn cả, và xem ra lại có nhiều cái tư-tưởng tân-thời, cao-siêu hơn sĩ phu ở đời ấy ; vậy xin chiếu-y nguyên-văn dịch ra sau này : Để công cho độc-giả.*

***

Nguyên thư rằng :

Tôi ngu-lậu bất-tài, mông ân bệ-hạ cho ra làm quan một địa-hạt, nay lại mông ân triệu về nơi khuyết-đình, lại toan ủy-dụng một việc khác ; đương khi tôi về báo-chính với bệ-hạ, tôi quên hẳn mất cái sự không xứng-chức của mình, nhân việc bổn-phận, lại muốn nói quấy ra cả việc thiên-hạ ; cúi xin bệ-hạ xét kỹ, họa may có lựa chọn mà dùng được điều gì, thì tôi lấy làm hân-hạnh lắm.

Tôi trộm xem bệ-hạ có cái đức cung-kiệm, có cái tài thông-minh tuệ-trí, thức khuya dậy sớm, không một ngày nào giải-dãi ; những thú thanh-sắc, ngoạn-hảo, không nhúng đến một chút nào, cái từ-tâm nhân-dân ái-vật, làm cho thiên-hạ đều tin theo ; mà lại muốn lựa cho được con người nào mà thiên-hạ đồng ưng cho làm phụ-tướng, để cử cho làm chức ấy ; mà không hề nghe theo những lời sàm-tà siểm-nịnh ; thiết-tưởng tấm lòng nhị-đế tam-vương ngày trước, chẳng qua cũng như thế là cùng.

Thế thì lẽ ra thiên-hạ thịnh-trị, nhà đầy người đủ thì mới phải ; mà nay

(1) Dịch theo nguyên-văn chữ Hán.

lại không được như thế: trong thì chưa khỏi điều lo cho xã-tắc, ngoài thì không khỏi điều lo về di-địch; tài-liệu của nước càng ngày càng khốn-đốn, phong-hóa càng ngày càng suy-đồi, người hữu-chí đều phải lấy sự loạn-lạc làm lo; ấy là bởi cái cớ gì vậy? Chính là bởi vì một cớ không có pháp-độ mà thôi.

Nay triều-đình pháp-luật tường-bị, không thiếu một món gì, cớ sao mà tôi lại dám nói rằng « không có pháp-độ »? Chính là vì rằng tuy có pháp-độ mà không hợp với pháp-độ của tiên-vương đấy thôi. Xưa Mạnh-tử có nói rằng: « Có lòng nhân, có tiếng nhân, mà ân-trạch không khắp đến trăm họ, là chỉ vì chính-trị không bắt-chước theo đạo tiên-vương đấy thôi », đem lời Mạnh-tử mà xem thì cái lỗi đương-kim, cũng chỉ tại điều ấy mà thôi vậy.

Đời bây giờ cách đời tiên-vương đã xa, về tình-thế, về sự-biến, biết bao mà kể; nay nếu muốn việc gì cũng đều theo tiên-vương cả, thì dẫu người ngu cũng biết là khó làm. Thế mà tôi lại bảo rằng: « Cái lỗi đời nay chỉ vì không biết bắt-chước tiên-vương », chẳng qua là chỉ muốn bắt-chước theo cái ý-chỉ mà thôi.

Xưa từ hai đời đế, ba đời vương, cách nhau đến hơn ngàn năm, những đời trị, loạn, thịnh, suy, có đủ cả. Nào tình-thế, nào sự-biến đã chẳng in nhau, mà đến những cách sắp-đặt lại khác nhau nữa; còn đến như cái ý-chỉ thì cổi ngọn, trước sau, đều là in nhau hết thảy; cho nên tôi mới nói rằng « Chỉ nên bắt-chước theo cái ý-chỉ mà thôi ». Đã bắt-chước được cái ý-chỉ rồi, thì những việc ta cải-cách thay-đổi, không đến kinh-hãi cho tai mắt thiên-hạ, không đến ồn-ào cho miệng thiên-hạ, mà cũng là hợp với chính-trị của tiên-vương rồi.

Tuy vậy, nhưng mà xét về cái sự thế đương-kim, thì dù bệ-hạ có muốn cải-cách các công việc cho hợp với ý-chỉ của tiên-vương, cũng chưa có thể làm được.

Nguyên là bệ-hạ đã sẵn có cái đức cung-kiệm, có cái tài thông-minh duệ-trí, có cái lòng nhân-dân yêu-vật, nếu có lòng làm thì làm gì mà không nên, muốn gì mà không được; thế mà tôi lại nói muốn cải-cách cũng không có thể làm được, là cớ gì? Ấy chỉ vì nhân-tài đương-kim không đủ đó mà thôi, vì tôi đã từng xem thử trên đám quan-trường mới biết rõ nhân-tài chưa có, đời nào mà thiếu-thốn cho bằng đời nay vậy.

Đã nói rằng nhân-tài thiếu-thốn ở trên quan-trường, thì chắc sẽ có những hạng nhân-tài trăm-một ở dưới dân-gian mà đời không biết đến mới phải; thế mà tôi đã tìm khắp ở ngoài lư-diêm thảo-dã, cũng chả thấy nhân-tài được bao nhiêu; ấy không phải là vì cái cớ nhà nước đào-tạo nhân-tài chưa đúng phép hay sao!

Tôi sở dĩ nói rằng nhân-tài ở trên quan-trường thiếu-thốn, là chỉ lấy theo những người làm dưới chức-sự của tôi, thì cũng đủ biết:

Một địa-phương rộng đến vài ngàn dặm, mà tìm một người có chức-trách biết dựa theo pháp lệnh triều-đình, tùy theo các việc nên hoãn cấp, để khiến cho dân-chúng biết lấm theo bổn-phận, hạng-người ấy đã là rất ít; mà lại xen thêm những người bất tài, hèn biếng và tham-nhũng, không biết bao nhiêu; đến như một hạng người biết rõ cái ý-chỉ của tiên-vương để làm cho đúng với sự-biến đương-thời, thì tuyệt-nhiên là không có một người nào cả. Hễ khi triều-đình hạ xuống một pháp-lệnh gì, vẫn là ý-chỉ rất hay; mà trên thì các quan đã không biết suy-

hành cho khéo, cho nhân-dân được mang đội ân-trạch; dưới thì một bọn tiểu-lại lại nhân đó mà làm gian để cho phiền rối đến trăm họ; thế nên tôi mới dám nói rằng « trên quan-trường không có nhân-tài mà dưới thảo-dã cũng chả thấy được bao nhiêu nhân-tài vậy ».

Nhân-tài dã không đủ, thì nếu bệ-hạ có lòng cải-cách việc nước cho hợp theo ý-chỉ của tiên-vương, và các đại-thần cũng muốn vâng theo tấm lòng của bệ-hạ để ra đảm-đương công việc đi nữa, nhưng sợ rằng chín châu rất rộng, bốn bể rất xa, ai là người biết thể theo lòng của bệ-hạ, để việc gì cũng thi-hành, cho người nào cũng đều mông-ân được! cho nên tôi mới dám nói rằng « chưa có thể làm được vậy »; xưa Mạnh-tử có nói: « Chỉ có phép luật mà không có người giỏi, thì không thể làm được », cũng là một nghĩa như vậy.

Thế thì cái việc khẩn-cấp ở kim-thời, cũng chỉ cốt làm sao cho có nhân-tài mà thôi, nay nên làm sao cho nhân-tài được đông đúc, để lựa vào đám quan-trường cho có đủ nhân-tài; quan-trường dã có đủ nhân-tài, rồi mới tùy theo tình-thế ra thế nào? dân-tình hoạn bệnh ra thế nào? để mà cải-cách những điều tệ-lậu, cho hợp theo ý-chỉ của tiên-vương, là việc dễ lắm.

Thiên-hạ đời nay cũng tức là thiên-hạ đời tiên-vương; đời tiên-vương nhân tài đông đủ như thế, sao mà nhân-tài đời nay lại thiếu-thốn như thế? há không phải vì cái cớ đào-tạo nhân-tài chưa hợp đạo hay sao!

Đời nhà Thương đã từng trải qua một cuộc đại-loạn, những người làm quan đều là tham-lam ác-nghiệt, chẳng có người nào ra gì hết. Đến khi vua Văn-vương khởi lên, thì nhân-tài cũng cứ còn ít; lúc ấy vua Văn-vương biết cách đào-tạo, khiến cho học-trò trong nước, đều có cái tài sĩ-quân-tử, rồi mới tùy tài mà sai-sử cho làm các chức vị; kinh *Thi* có nói: « Tấm lòng quân-tử hiền minh, nhân-tài một nước đào-thành biết bao, 豈弟君子, 遐不作人 », chính là nói về việc đó. Đến khi đào-tạo đã có thành-hiệu, thì những người vi-tiện đi săn bắn, mà cũng đều là người ưa chuộng đạo-đức cả, thử xem bài thơ « Thỏ-ta 兔罝 » thì đủ biết rõ, huống-chi những người có chức-vị nữa, thì tài giỏi biết chừng nào. Vua Văn-vương chỉ vì đào-tạo nhân-tài được như thế, nên chi đánh giặc thì giặc phải phục, trị nước thì dân phải yêu. Kinh *Thi* có nói: « Bưng ngọc chương giờn-giáo, người văn-sĩ tài cao 二 捧璋峨峨, 髦士攸宜 » Lại nói: « Châu-vương đi đánh giặc, lục quân thảy đi theo, 周王于邁, 六師及之 », là ý nói vua Văn-vương dùng quan văn võ, đều xứng theo tài của họ, mà không đến nỗi bỏ việc vậy.

Đến đời Di-vương và Lệ-vương, thì nhân-tài quảy lại ít đi, qua đến đời vua Tuyên-vương khởi lên, thì người tài làm việc nước được, là chỉ có một mình ông Trọng Sơn-Phủ mà thôi, nên chi kinh *Thi* có than rằng: « Đù rằng đức nhẹ như lông, ngoài ông Sơn-Phủ ai hồng nhắc lên; ai yêu cũng đứng mà nhìn, 德輶如毛, 維仲山甫舉之, 愛莫助之 », là có ý buồn về sự nhân-tài ít-ỏi, không ai giúp cho ông Trọng Sơn-Phủ vậy, vì Tuyên-vương biết tin dùng Trọng Sơn-Phủ, Trọng Sơn-Phủ lại biết giáo-dục thêm nhân-tài trong nước, cho được hóa ra đông nhiều, khi ấy mới sửa chính-trị bề trong, đánh kẻ bất-thần bề ngoài, và khôi-phục bờ cõi của vua Văn vua Võ lại được; kinh *Thi* có nói: « Cùng nhau ra nội hái rau, xem trông đất ruộng một mầu tốt tươi, ruộng nào cũng tốt mười mươi 薄言采芑, 于彼新田, 于彼菑畝 », là có ý khen vua Tuyên-vương biết tỏ về

'ươi tốt cho nhân-tài, cho thành tài ıữu-dụng, cũng như nhà nông làm tốt :ho đất ruộng, khiến cho có thứ rau ıái được vậy.

Xem như thế thì mới biết nhân-tài ıếu không do người trên đào-tạo, thì ıàm sao mà có được. Mà muốn đào-tạo :ho có nhân-tài, thì làm thế nào? chỉ có bốn điều là : biết dạy, biết nuôi, biết chọn và biết dùng mà thôi.

Cách dạy làm thế nào? Đời xưa nước thiên-tử, nước chư-hầu, từ quốc-đô cho đến các hương-thôn, đâu đâu cũng có trường-học, cũng đặt thầy dạy, mà lựa chọn thì rất là nghiêm; bao nhiêu những việc lễ, nhạc, chính, hình ở trên triều-đình, đều là có dạy ở học-trường cả, học trò thường ngày học tập đều là những lời hay, nết tốt và những cái ý-chỉ bình-trị thiên-hạ của tiên-vương cả, ấy cũng tức là cái tài-liệu để ngày sau đem ra mà dùng việc nhà nước vậy; trừ ra những món gì không thể dùng ra việc nước được, thì không đem ra làm món dạy, còn những món mà có thể dùng ra việc nước được, thì không có món gì mà không dung chứa vào trong trường học; thế là cách dạy đó vậy.

Cách nuôi làm thế nào? tức là lấy tiền của mà trau-giồi cho, lấy lễ-nghĩa mà hạn-chế lại và lấy pháp-luật mà kiềm-thúc lại vậy.

Tiền của trau-giồi ra thế nào? Thường tình hễ thiếu tiền thì sinh tham-bỉ quấy-quá, chẳng sự gì là chẳng làm, tiên-vương biết rõ sự ấy, nên chi chế-lộc cho các hạng quan nhỏ cũng vừa no đủ, còn lên nữa thì cứ theo bậc mà gia thêm, để cho họ giữ được tấm lòng liêm-sỉ và thoát khỏi ra ngoài vòng tham-nhũng. Thế mà còn lấy làm chưa đủ, lại suy bổng lộc cho đến hàng con cháu của họ, gọi là thế-lộc, khiến cho họ khi sống thì không lo gì sự nuôi-nấng cha con anh em vợ chồng, khi chết thì khỏi lo về sự con cháu thiếu-thốn.

Lễ-nghĩa hạn-chế ra thế nào? Nhân-tình hễ no đủ mà không có lễ-nghĩa, thì buông-tuồng xa-xỉ, làm khắp mọi điều; tiên-vương hiểu rõ như ấy, nên chi bày ra những việc hôn-nhân, tang-tế, yến-hưởng, những đồ ăn dùng, khí-mãnh, đều là có phận hạn khác nhau và lại đặt ra những pháp-luật, những đồ cân lường để làm chừng-mực. Cho nên những việc phận hạn làm được, mà tiền-tài không đủ thì cũng không được làm, hay là tiền-tài tuy thừa đủ, mà phận hạn không được làm, thì cũng không được làm thêm một ly một thù một phân một tấc nào cả.

Cách pháp-luật kiềm-thúc làm thế nào? tiên-vương đã lấy đạo nghệ mà dạy người rồi, nếu ai không tuân theo lễ, thì đãi cho những tội đày đuổi phương xa và chung-thân bất-xỉ, đã lấy lễ-nghĩa mà dạy người rồi, nếu ai không noi theo lễ-giáo, thì đãi cho những tội đồ đày chém giết. Thiên *Vương-chế* có nói: « Hễ dân-gian có người biến-đổi y-phục, thì quốc-vương của nước hầu đó phải bị tội lưu 變衣服者其君流»; thiên *Khương-cáo* có nói: « Có ai cáo-giác những đám nhóm nhau đến uống rượu, thì ngài đừng tha, phải bắt giải về kinh-đô để ta giết cho ». Như cái tội nhóm nhau uống rượu và biến-đổi y-phục là một tiểu-tội, đồ đày chém giết là đại-hình, đem đại-hình mà gia vào cho người tiểu-tội, mà tiên-vương cũng nhẫn-tâm làm được, là vì không làm như thế thì không thể thống-nhất cái phong-tục của một nước cho thành cái trị-hiệu của ta được. Lấy lễ-nghĩa hạn-chế lại, lấy pháp-luật kiềm-thúc lại, mà thiên-hạ phải phục-tùng theo mà không dám

đề-kháng, ấy không những là nhờ nơi cấm nghiêm trị giỏi mà thôi, chính là vì vua trên thì hết lòng thành khẩn-thiết mà đề-xướng cho kẻ dưới, các quan quyền-quí thì thuận theo lòng vua mà hết sức làm theo, nếu có vị quan lớn nào không vâng theo, thì bắt tội từ đó mà bắt-trước; vua trên đã lấy chí-thành mà làm, quan dưới lại biết tránh các điều tội lỗi, thì tất-nhiên là không hình-phạt mà cũng phải chừa; ấy là cái chính-sách nuôi sĩ-phu như vậy.

Cách lựa người làm thế nào? Xưa tiên-vương lựa người, trước phải do hương-thôn, do học-xá bắt người ta phải lựa chọn cho biết tên những người tài-đức mà báo với quan trên, quan trên xét nếu quả có tài đức rồi mới tùy theo cái đức nhiều ít cái tài cao thấp, ma chia cho làm các chức-việc. Cái sự xét đó, không phải dùng theo tai mắt của một mình hay là nghe theo mồm miệng của một người nào; muốn xét cái đức thì phải xem cho biết cái hạnh, muốn xét cái tài thì phải hỏi-han bằng lời nói; đã xét được lời nói và hạnh-kiểm, lại phải xét đến việc làm; cách xét này chính là cách xét về việc làm vậy; xưa vua Nghiêu cử vua Thuấn, cũng đã làm kỹ như thế, huống-chi là những người dưới vua Thuấn nữa. Nói quay lại thì chín châu rất rộng, bốn bể rất xa, bách quan các chức rất đông, tất là cần dùng đến cái tài của sĩ-phu phải rất nhiều, Thiên-tử không thể nào mà một người nào cũng do mình tự xét lấy, lại không thể nào mà nghe theo một người và định-đoán sự thăng-giáng trong vài ngày được. Chỉ là thiên-tử phải xét lựa cho được một người đại-tài đại-đức, liền cho làm quan lớn, rồi ông quan lớn ấy phải xét phải thử mà lựa cho được những người tài-giỏi theo đảng-phái của mình mà tâu cáo với vua, nhiên-hậu vua mới đem chức-tước phẩm-trật mà phong cho làm các việc; ấy tức là cái cách lựa người như vậy.

Cách dùng người làm thế nào? Cái tài-đức của người ta, có cao có hạ, có nhiều có ít, vẫn không đồng nhau, đem ra làm các việc, có điều làm được, có điều làm không được; tiên-vương hiểu rõ như vậy, cho nên người giỏi nghề nông thì cho làm chức Hậu-tắc, người giỏi nghề thợ thì cho làm chức Cung-công, đức nhiều và tài cao thì cho làm quan trưởng, đức ít và tài vừa thì cho làm tá-thuộc; lại định tại chức cho được lâu năm, để cho trên thì quen thuộc mà dễ làm, dưới thì yên-hàn mà dễ chịu, những người tài-giỏi thì có thể vì lâu ngày mà thành-công, những người bất-tài thì tất là vì lâu ngày mà bại-lộ; lại đặt ra một cái lệ xét công nữa; thế cho nên những người tài-năng khôn-khéo, có thể làm hết tài-trí của mình, không sợ gì việc không xong mà công không rồi, còn những người nhác-nhớn lười-biếng, tuy có dung-ẩn được một lúc, nhưng phải sợ trách-phạt xấu-nhuốc tiếp đến đàng sau, thì có lẽ nào mà không gắng sức; đến như những người bất-tài, thì chắc là phải từ-tạ mà xin đi, vì nếu tại-chức lâu ngày thì cái tội bì-nhuyễn làm không nổi việc không tài nào mà tránh cho khỏi được; bọn ấy đủ từ-tạ mà xin đi, thì còn có đâu những người bè-đảng gian-tà ganh nhau mà lên được nữa. Thế là lựa chọn đã tinh-tường, ủy-dụng đã xứng-đáng, xử-trí đã lâu năm, mà khi dụng ra lại còn chuyên-nhất, cho họ được hành kỳ sở học, mà không phải là việc gì cũng lấy pháp-luật mà thẳng-thúc họ lại. xưa vua Nghiêu vua Thuấn sở-dĩ quản-trị được trăm quan và mở mang được các việc, là cũng chỉ vì có thế mà thôi; kinh *Thư* nói: « Ba năm xét công một

36

lần, ba lần xét công rồi mới truất trắc kẻ lên người xuống, 三載考績, 三考黜陟幽明 », chính là nghĩa như thế. Nhưng mà ở đời vua Nghiêu vua Thuấn, những người bị truất thì vẫn có nghe, tức là tứ-hung vậy, còn những người được thăng chỉ là bốn ông : Cao, Qui, Tắc, Tiết, đều là cả đời làm một chức quan mà không dời đổi, thế thì sự thăng đó chỉ là thăng cho tước lộc mà thôi, ấy tức là cái chính-sách dùng người như vậy.

Nói tóm lại, thì những cách dạy người, nuôi người, lựa người, dùng người đã làm như thế, mà Thiên-tử lại cùng với đại-thần gắng hết sức lực của tai mắt và tấm lòng chí-thành khẩn-thiết, để suy nghĩ mà thi-hành, vậy nên chỉ các đại-thần đời ấy được vua tín-nhiệm, mà việc nước không có điều gì muốn làm mà chẳng được.

Còn như đời bây giờ, thì ở các châu huyện tuy có học-xá, chẳng qua là một bộ tường vách, mà không có những quan giáo-dục và những cách-thức giáo-dục nhân-tài ; tuy rằng quan giáo-đạo thì vẫn có, nhưng mà lựa chọn không đúng gì cả ; đến như việc dạy thì những việc lễ, nhạc, hình, chính của triều-đình, chưa hề đem ra dạy ở học-xá, người học trò cũng cho bốn điều ấy là của những người có chức-trách chứ mình chẳng nên biết làm chi, học trò đi học thì chỉ nên giảng tập chương-cú mà thôi. Sự giảng-tập chương-cú, vốn đã trái với cách dạy của đời xưa, mà gần đây lại còn thêm cho một môn văn-chương thi-cử nữa; cái văn-chương thi-cử đó nếu không phải học rộng xem nhiều, hết sức cả ngày, thì không làm được, đến khi văn-chương đã hay rồi, lớn ra thì không đủ trị nước được, mà nhỏ ra cũng không đủ làm một người cho nhà nước dùng được, cho nên ở học-xá cho đến bạc đầu, ngày ngày hết sức, để tuân theo sự giáo-tập của bề trên, đến khi ra tùng chính, thì mờ mịt không biết đi nẻo nào, tức là hạng người ấy cả. Quả là sự giáo-dục bây giờ, không những là không thành tài được cho người ta, mà lại thêm khốn-khổ hủy-hoại người ta cho không thành tài được nữa ; sao lại nói vậy ? vì cái tài của người ta, chuyên thì mới thành, mà tạp thì phải hư ; nên chỉ tiên-vương xử-trí người thợ ở nơi quan-xưởng, xử-trí người nông ở ngoài đồng bãi, xử-trí người buôn ở nơi đất ruộng mà xử-trí học trò thì ở nơi nhà học-hiệu, khiến cho họ đều chuyên theo nghề-nghiệp mà không thấy vật lạ, là sợ các vật lạ có thể hại đến các nghề-nghiệp vậy ; kể như một hạng học trò, thì không những không được thấy vật lạ mà thôi, chỉ chuyên một bề dạy theo đạo-đức của tiên-vương, chứ ngoài ra những sách bách-gia chư-tử, đều là ruồng bỏ mà không học đến. Còn bây giờ thì những việc nhà nước là những việc đáng học, mà lại bỏ đi không dạy, mà chỉ chuyên dạy về văn-chương thi cử, khiến cho người ta hao hết tinh-thần, hết sức cả ngày để chăm về việc văn-chương đó ; kịp khi ra làm quan, thì lại bỏ hết cái văn-chương đó mà bắt làm việc nhà nước ; việc nhà nước đó chính là một việc người đời xưa hôm mai chuyên cần học tập, mà còn có người làm được kẻ làm không được ; nay thì đem hết tinh-thần sức-lực mà chăm nom vào nơi môn học vô-dụng, mà lại bắt ra làm việc nhà nước, nên chỉ muốn tìm cho có nhân-tài làm việc được là ít lắm ; vậy cho nên tôi mới dám nói rằng : « Không những không thành tài cho người ta, mà lại làm thêm khốn-đốn hủy-hoại cho người ta không thành tài được nữa ».

Lại có một điều rất tệ-hại nữa là : đời tiên-vương, học trò đi học là kiêm

cả hai đường văn võ, bên văn thì học-trò có người làm được công khanh đại-phu, có người làm được quan sĩ, đó là tùy theo cái tài lớn nhỏ khác nhau, đến như việc võ thì đại-tài và tiểu-tài không có người nào là không học, nên chỉ người đại-tài thì khi ở triều có thể làm được quan khanh ở nơi lục-bộ, khi ra trận thì có thể làm được quan tướng ở đám lục-quân; thứ nữa thì có thể làm được các chức quan trưởng ở nơi tị, lư, tộc, đảng, và cũng có thể làm được các chức đội-quản ở nơi tốt, ngũ và quân, lữ, cho nên những vị tướng súy ở chốn biên-cương, đều là các quan sĩ, đại-phu ra làm cả, mà hạng tiểu-nhân thì không được lấy cách gian xảo mà xen vào được. Còn học-giả bây giờ, họ chỉ nói: « Văn võ khác đường, ta chỉ biết việc văn mà thôi, đến như cái gánh biên-cương thì phải giao cho các hàng quân lính. » Có khi những người gian-ngoan vô-lại, mà nếu có thể tự-lập ở chốn hương-thôn được, thì nào có chịu bỏ thân-thích mà đi theo quân-ngũ. Cái gánh biên-cương là một cái gánh rất quan-trọng, mà ông vua phải nên cẩn-thận lắm; cho nên đời xưa dạy học-trò, chỉ lấy sự bắn tên cưỡi ngựa làm việc gấp hơn; trừ ra những tài nghề khác, thì tùy theo ai làm được nghề gì thì dạy nghề ấy, mà không ép buộc, còn như nghề bắn thì cho là phận-sự của đàn ông, chỉ người có tật-bệnh được miễn mà thôi, nếu không tật bệnh thì chưa có ai bỏ sự bắn mà không học cả; tại nơi học-trường vẫn đã học theo nghề bắn, mà đến khi có việc yến-ẩm tân-khách cũng tập bắn, khi cúng tế thần-thánh cũng tập bắn, khi muốn phân biệt cái đức-hạnh tài-năng của các người cũng tập bắn, trong lúc lễ-nhạc tế-tự, không lúc nào mà không có sự bắn, mà sự bắn cũng chẳng khi nào mà không ở vào trong vòng lễ nhạc tế-tự; kinh *Dịch* có nói: « Cái lợi cung tên, là để ra oai với thiên-hạ, 弧矢之利, 以威天下 ». Tiên-vương không những cho việc bắn là có thể tập-rèn được cái nghi-vệ vái nhường mà thôi đâu, chính là cho việc ấy là một cái khí-cụ để ra oai cho thiên-hạ mà giữ chặt nước nhà vậy; khi ở nhà thì để mà tập lễ-nhạc, khi ra ngoài thì để mà theo việc chinh-chiến; hôm mai đã chăm việc vào đó, thì người tài phải hóa ra đông, chắc là cái gánh biên-cương túc-vệ có thể lựa người mà dùng được. Người học-trò đã học được đạo-đức của tiên-vương, lại được ở chốn hương-thôn suy-nhượng, mà lại được cái tài võ-nghệ để giao cho một cái gánh biên-cương túc-vệ nữa, ấy cho nên vua đời xưa giao ngay binh-khí cho họ, mà không cần phải lo đến sự gì nữa. Còn đời nay thì lại đem cái gánh nặng của thiên-tử phải nên chú-ý mà giao cho bọn gian-ngoan vô-lại không đủ tự-lập ở hương-thôn, nên chi đời nay thường phải lo-lắng về sự biên-cương túc-vệ, đều không đủ cậy cho cuộc trị-an vậy; đời nay ai là không biết rằng biên-cương túc-vệ không đủ cậy cho cuộc trị-an, nhưng ngặt vì bọn sĩ-phu đều lấy sự mang gươm làm xấu-hổ, và không hề có ai biết đến những việc bắn tên cưỡi ngựa và những lối hàng trận; vậy nếu không chiêu-mộ tốt-ngũ, thì ai lại chịu đi gánh việc ấy cho ai; ấy là vì bề trên không đặt cách giáo-dục, không trọng sự tuyển-bổ, nên chi sĩ-phu lấy sự mang gươm làm xấu-hổ, mà không ai biết đến việc kỵ-xạ hàng trận, ấy vẫn là một cái lẽ đương-nhiên; tất cả các điều kể trên đó, đều là do một cái cớ giáo-dục thất-cách cả.

(*Còn nữa*)

THUẬN-GIANG

Truyện ngắn

MAI

của Ngô Ngọc-Kha

Đêm hôm ấy là một đêm thu mát-mẻ, có trăng, lại nhằm đêm thứ bảy, nên cảnh-tượng xóm bình-khang ở thành Nam thật là vui-vẻ. Suốt hai dãy phố Cồng-hậu, nhà nào nhà ấy đèn điện thắp sáng như ban ngày. Ngoài đường, dưới bóng trăng sáng tỏ, dịu-dàng, người và xe cộ qua lại tấp-nập. Chỗ này vài cô đào óng-ả đang lả-lơi mời khách ; chỗ kia mấy chàng công-tử đang khoác tay nhau lững-thững giong chơi.

Trống bên huyện Mỹ đã điểm canh ba rồi mà những tiếng đàn, tiếng hát, tiếng trống, tiếng sênh vẫn chưa ngớt.

Nhà số 10 đêm ấy không có khách hát. Các cô đào đi chơi đâu vắng cả, chỉ còn mình Mai ở nhà. Nàng ngồi trên một cái ghế sích-đu, gần cửa sổ trông ra đường. Giữa phòng khách, dưới ngọn đèn điện trăm nến ngoài phủ chiếc « a-ba-dua » lụa xanh, bày một bộ sa-lông mây sơn mầu hồ-thủy; trên bàn dăm bông hoa huệ vàng úa, đứng ủ-rũ trong chiếc lọ thủy-tinh. Trong cùng, dựa vào tường, một chiếc tủ trè gụ khảm nặng-nề nằm trên đôi niềng khẳng-khiu. Trang-hoàng cho cái phòng khách sơ-sài ấy còn có một bộ ghế ngựa quang dầu trên giải chiếc chiếu cạp điều bạc phếch và một cái gương đứng khung gụ bày đối-diện với cái ghế sích-đu.

Chủ nhà ấy là ai ? Chính là Mai, một cô đào hát hay có tiếng ở phố Cồng-hậu. Nàng tuổi chạc hai-mươi bốn, hai-mươi nhăm, vẻ người xinh-xắn, tính nết hiền-hậu, đứng-đắn. Cái thanh, cái sắc của nàng đã từng làm say đắm nhiều khách làng chơi.

Mai đi hát từ năm mười-bốn tuổi, sau khi nhiều sự tai-biến đã xảy ra ở nhà nàng. Cha nàng, một bậc lão-thành cựu-học, thốt-nhiên bị bệnh mà chết. Cùng năm ấy, nhà nàng bị cháy, mẹ nàng ốm đau. Từ ấy cái tai-nạn đã bắt nàng phải bước chân ra đi, phải xa cách nơi quê cha đất tổ, xa cách những người thân yêu nhất trên đời nàng. Cái kiếp giang hồ là kiếp sầu-thảm, nhuốc-nhơ, nàng biết thế, biết từ ngày nàng hãy còn thơ, nhưng làm thế nào mà tránh được? Mẹ nàng quằn-quại trên giường bệnh không có thuốc uống, các em nàng đêm ngày kêu khóc chẳng có cơm ăn. Ở trong cái hoàn-cảnh thảm thương ấy nàng há đành khoanh tay ngồi đợi chết sao! Hồi tưởng đến quãng đời cùng khổ ấy thì nàng buồn. Đã mười năm nay, bị đày trong cái thế-giới cầm-ca, nàng

phải sống chung với nhiều hạng người bỉ-tiện. Những lúc đêm trường canh vắng, nghĩ đến cái đời lưu-lạc của mình, nàng thường sa lệ. Cái tiếng đàn êm-ái, giọng hát du-dương mà người đời dùng làm phương thuốc tiêu sầu, đối với nàng chỉ là những thanh-âm buồn thảm nó bắt nàng phải nghĩ luôn đến cái tình-cảnh hiện-tại của mình.

Nàng đưa mắt nhìn chung quanh mình chẳng thấy một vật gì yêu qui, ngoài mấy bông hoa hồng cắm trong chiếc lọ con để trên mặt tủ trè. Mấy bông hoa ấy là của Ngọc gửi tặng nàng từ hai hôm trước; nó vẫn-hồi trong tâm-trí nàng biết bao kỷ-niệm buồn, vui.

Ngọc là ai? Có phải là người tình của Mai không? Không, Ngọc chỉ là một người bạn của Mai, đối với nàng giàu lòng trắc-ẩn. Ngọc không mây khi gần Mai vì chàng đã có vợ. Cái tình Ngọc yêu Mai chỉ là một cái tình âm-thầm, kín-đáo, giãi bày trong nét bút câu văn.

Đã hơn một tháng, Mai không được gặp Ngọc. Nàng nhớ lắm, nên đêm ấy vẫn-vơ suốt năm canh không sao ngủ được. Nàng yêu Ngọc lắm, vì Ngọc đã hiểu thấu tâm-sự của nàng và thương nàng một cách thành-thực. Nàng chăm chú nhìn mấy bông hoa gần tàn, ở trong ngụ biết bao niềm ân-ái. Nhìn hoa, nàng càng vơ-vẩn nghĩ đến sự ngắn-ngủi của đời người. Đời nàng khác gì đời hoa, hôm qua còn tươi-tốt, ngày nay cánh nhị đã rã-rời. Cất một giọng trong-trẻo, nàng ngâm mấy câu thơ mà Ngọc đã gửi cho nàng cùng với mấy bông hoa:

Tặng em mấy đóa hoa hồng.
Gọi là giãi tỏ chút lòng anh thương.
Lòng anh trăm mối tơ vương,
Hỏi em có thấu đoạn trường này không.
Phương trời thăm-thẳm nhớ mong,
Gần nhau mà tưởng nghìn trùng cách xa.
Người đời dễ biết tình ta,
Bể lòng ai đã biết là nông sâu.

Đường phố bấy giờ vắng vẻ. Ngoài tiếng nói chuyện xì-xào của mấy anh phu xe ngồi đợi khách, người ta không còn nghe thấy một tiếng động gì khác. Sự yên-lặng của ban đêm làm cho tiếng hát của Mai thêm ai-oán, não nùng.

Đôi mắt mơ-màng, đẫm-lệ, nàng đăm-đăm nhìn bóng trăng chênh-chếch đang chiếu vào mặt nàng, như muốn giãi tỏ nỗi lòng u-uất cùng chị Hằng lơ-lửng trên khoảng trời xanh. Mặt nàng xanh và gầy, dưới ánh trăng trông càng xanh và gầy hơn.

Tiếng gà gáy báo trời gần sáng. Nàng nhắm mắt muốn ngủ đi mà không sao ngủ được. Nàng bèn vào phòng ngủ lấy thư của Ngọc ra xem lại. Mỗi bức thư xem xong, nàng lại đưa lên môi hôn, rồi nhẹ-nhàng xếp vào một cái hộp con xinh-xắn trước khi xem đến cái khác:

40

« 5 giờ sáng, giữa khoảng trời đất bao la, tịch-mịch, vắng nghe chỉ thấy tiếng gà gáy, chim kêu, tiếng côn-trùng rỉ-rích, một mình, một quyển sách với một mảnh hồn thanh khiết, anh ngồi hóng gió trên con đê Phụ-long. Giở bức thư của em viết hôm qua ra đọc lại anh tưởng như có em ngồi bên mình nỉ-non trò chuyện. Cảnh-vật đã im-lặng lại im-lặng thêm, như cũng cùng anh lắng tai nghe cái giọng nói êm-đềm của em.

« Hôm qua mưa gió sập-sùi, lòng anh vẩn-vơ nhiều lắm. Mỗi giọt mưa rơi, mỗi cơn gió thổi càng khêu gợi nỗi nhớ mong. . .

« Em yêu anh thì đừng suy-nghĩ cái địa-vị anh ở xã-hội, cái thân-thế anh ở gia-đình. Em chỉ biết anh là một người bạn hết lòng thương em. Còn anh, anh cũng chỉ biết em là một người thân-yêu đã làm cho tơ lòng anh nhiều phen rung-động. . . Anh chẳng nhớ lại cái quãng đời trước của em làm gì, mà có nhớ chăng nữa, cũng chỉ là để gây thêm cái mối tình thương trong lòng. Nghĩa-vụ anh đối với gia-đình, xã-hội; anh vẫn phải làm đầy-đủ, nhưng nếu sống ở đời, chỉ có một mục-đích là để gánh-vác những nghĩa-vụ ấy thì đời còn có thú-vị gì nữa. . .

« Em đi Cổ-lễ có vui không? Vui lắm thì phải... Em can-đảm lắm, đi mà không nhớ anh à? Giá có ai dủ anh đi chơi Cổ-lễ thì anh không đi mà trả lời rằng: « Chùa đẹp lắm, cảnh vui lắm, nước non hoa cỏ chẳng thiếu chi. Nhưng chùa ấy, cảnh ấy, nước-non ấy, cỏ hoa ấy còn thiếu một thứ khiến tôi chẳng muốn đến đấy làm gì. Thứ ấy là bóng dáng người tình của tôi. . .»

«Anh nhớ có một lần đọc câu cổ-thi sau này: « Mạc sầu tiền lộ vô tri-kỷ, thiên-hạ thùy nhân bất thức quân ». Câu cổ-thi ấy anh chép ra đây để an-ủi lòng em. Em đối với cuộc đời ngày nay như chẳng muốn có duyên nợ gì nữa. Nhưng em ơi! Cái mớ lửa lòng của em nó gần tàn, anh há vô-tình để nó tàn hẳn đi chăng! Không, anh yêu em, anh thương em, anh muốn em còn luyến-ái với đời. Anh khuyên em cứ vui mà sống, gặp cảnh biến cũng đừng chán-nản buồn-rầu. Tinh-thần em đã bị tê-liệt, anh sẽ tìm phương cứu chữa cho nó mạnh-mẽ, vui-vẻ hơn lên, chỉ vì trời đất không công, cùng với người cướp hết hạnh-phúc đời em nên anh thương em mà đem một mối tình thân-thiết để đền bù cho em. . .»

Cái giọng văn thành-thực, đầy thi-vị của Ngọc đã cám dỗ Mai, nàng cảm phục lắm.

Cứ những lúc buồn, ngồi một mình nhớ đến Ngọc, Mai lại đem những bức thư ấy ra xem. Nàng đã xem đi xem lại nhiều lần mà vẫn không chán. Mỗi lần xem thư bạn, nàng cảm thấy lòng nàng sung-sướng như được gần Ngọc. Mỗi lời Ngọc nói trong thư là một lời an-ủi, một mối thâm-tình.

Từ ngày Mai bước chân vào chốn ca-trường, nàng chưa từng yêu ai một cách đắm say như yêu Ngọc; tuy nàng biết Ngọc đã có vợ, không thể cùng nàng kết nghĩa trăm năm. Nàng không bao giờ mơ-ước làm vợ Ngọc, vì nàng cho mơ-ước như thế là vô-lý, tầm-thường. Nàng chỉ lo sửa mình sao cho xứng-đáng là một người bạn tâm-giao của Ngọc để đền đáp cái ơn tri-ngộ của chàng.

Đã mấy tháng nay, Mai tỏ ra chán-nản với cái nghề ca-hát, cái nghề đã giam hãm nàng trong vòng trụy-lạc xấu-xa. Nàng không thể sống mãi với cái nghề ấy được. Các em nàng đã trưởng-thành, nàng sẽ trông cậy để phụng-dưỡng mẹ già. Ở đời có cái tuổi xuân là quí thì nàng đã hi-sinh để cứu sống mẹ nàng và các em nàng rồi. Đời nàng ngày nay chỉ còn là một cái đời bỏ đi, một cái đời vô-vị.

Nàng là một kỹ-nữ, người đời chỉ biết thế thôi. Người ta có yêu nàng cũng chỉ yêu trong chốc lát, yêu trong tiệc rượu, cung đàn, chứ có ai thương đến cảnh-ngộ của nàng đâu. Nghĩ đến cái tình nghĩa giả-dối, ngắn-ngủi ấy thì nàng buồn, nàng tiếc nhớ cái quãng đời niên-thiếu nó đã vụt qua. Nàng cần phải mau xa-lánh cái cuộc đời huyên-náo, xa-lánh những tiếng đàn, tiếng hát, tiếng trống, tiếng sênh hàng ngày nó đập vào tai óc nàng.

***

Một buổi sáng mùa đông, gió lạnh, sương mù, trời đất một màu ảm-đạm, Mai từ-biệt thành Nam. Nhìn về phía nhà Ngọc ở, nàng như mong đợi người bạn thân-yêu đến tống-biệt. Nghĩ đến phải xa-cách Ngọc thì nàng buồn, không sao cầm được giọt lệ. Nhưng nàng lại khuây ngay, vì nàng chợt nhớ đến lời khuyên của Ngọc : « Lúc nào em cũng phải yêu đời, phải vui mà sống, không nên hờn giận thù-oán ai. » Nàng đi, đi để tìm sự yên-ủi, đi để tìm một cuộc đời yên-lặng nơi cảnh-lạ trời xa.

***

Cách thành-phố Bắc-Ninh năm cây số, thuộc huyện Võ-giàng, có một ngôi chùa cổ dựng ở chân núi Kinh-bắc. Chùa làm từ đời Hậu-Lê, chữ đặt là Bảo-huyền-tự. Đằng sau chùa, một cái rừng thông rộng đến hơn ba mươi mẫu bao phủ cả một phần tư quả núi. Giữa rừng, một ngọn suối chảy róc-rách từ đỉnh núi xuống, nước trong và mát đủ cho nhà chùa dùng quanh năm. Trước mặt chùa, con sông Nguyệt-đức uốn khúc quanh-co càng tô-điểm thêm cho cảnh-trí của Bảo-huyền-tự. Muốn đi vào chùa ta phải lần theo một con đường nhỏ hẹp, hai bên trồng toàn

42

dương-liễu. Chùa ở vào một nơi thanh-vắng, xa cách làng xóm. Xóm Doanh-cầu gần nhất thì cũng cách chùa đến năm trăm thước. Khách thập-phương đến vãng cảnh hoặc lễ bái rất ít.

Sau khi từ biệt thanh Nam, Mai đã đến đấy nương-nhờ cửa Phật. Nhờ có bà sư-trưởng là người đồng-hương với nàng hết lòng dạy-dỗ, chẳng bao lâu Mai đã thông-thuộc kinh-kệ. Nàng đã làm quen với những bữa cơm dưa muối với bộ quần áo nâu sồng và những tiếng mõ, tiếng chuông.

Ngày qua, tháng qua, thời-gian đã dần-dần hàn gắn những vết thương lòng của nàng. Trong lòng nàng chỉ còn phảng-phất một chút tình xưa, tình yêu Ngọc. Cái tình ấy đã in sâu vào tâm-não, ngày tháng không thể làm cho nàng quên đi được.

Những lúc nhớ nhà nhớ bạn, nàng thường trèo lên non ngồi mơ-mộng một mình. Nàng cầu-nguyện Trời Phật phù-hộ cho những người thân-yêu của nàng ở xa được yên vui. Rồi nàng lắng tai nghe những tiếng thông reo, suối chảy, gió thổi, chim kêu, nó ru hồn nàng và đem đến cho nàng những cảm-giác khoái-lạc, dịu-dàng.

NGÔ NGỌC-KHA

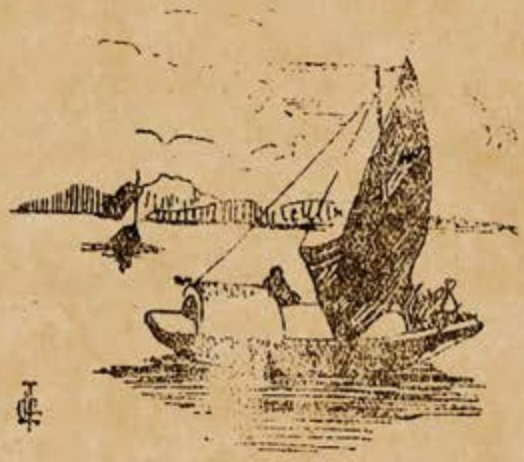

43

HỌC-THUẬT LÀM CỖ

(Câu chuyện tiêu-dao-du)

Có học-thuật rồi mới có tư-tưởng, có tư-tưởng rồi mới có sự-nghiệp, đời đã có lời ấy. Nên chi nghề gì cũng vậy, huống chi nghề làm cỗ. Tư-tưởng làm cỗ thế nào đây? Sự nghiệp làm cỗ thế nào đây? — Ai ôi! Trước hẳng nghiên-cứu qua về học-thuật làm cỗ. Ngày xưa ông Trang-Chu có bài văn *Tiêu-dao-du* nói về loài cá loài chim, để ngụ-ý triết-lý, là một lối văn-chương «huyền-không», nay tác-giả cũng có một bài văn tả ra một người khách đi du-lịch một làng kia, quan-sát giải-thích về sự làm cỗ làm thọ và hơi có pha lối khôi-hài để ngụ-ý tiếu-hóa. Ấy cũng là một lối văn chương «huyền-không»: nên chi cũng xin trộm gọi là câu chuyện *Tiêu-dao-du*

* * *

Một làng kia nước non thanh-tú, phong-cảnh mĩ-miều, vật-sản phong-phú, kể từ ngày mới lập ra làng đã có ngoại nghìn năm, từng có nhiều người phun-nhả ra chả phượng, đúc-chuốt ra nem công, làm vẻ-vang cho lịch sử một làng

Cái đặc-sắc của làng ấy là tự tổ tiên lưu truyền cho đến con cháu nối dõi, tự đàn ông cho đến đàn-bà, ai nấy đều cần-cù khuya sớm, chăm-chỉ về đường sinh-hoạt, đối với các sản-vật thiên-nhiên, đã có công phu vun-sới, lại có năng-lực chăn nuôi, nên chi những tài-liệu thuộc về các thức ăn của làng ấy, phong-phú thừa-thãi; ngõ-hầu lấy không ai cấm, dùng không bao hết, mà làm một kho vô-tận ở thế-gian.

Lại cái đặc-sắc của làng ấy, là tự hạng ông bà sang-trọng cho đến hạng nam-nữ thanh-tân, ai nấy đều ganh nhau bánh trong bánh lọc, tay thớt tay dao, học ăn học nói, học gói học thái, chế-tạo ra các thức ăn vừa túy-mĩ vừa trân-kỳ, nên chi những cỗ bàn của làng ấy, thật là có vẻ thời-trân thức-thức sẵn bày, không những đẹp mắt mà lại ngon miệng; không những ngon miệng mà lại có cái thú-vị vô cùng, thấm thía vào trong luồng tim óc, lưu-truyền mãi trong cuộc cổ-kim.

Đệ-niên cứ đến đầu mùa xuân, thời-kỳ trăm hoa đua nở, hay là đến giữa mùa thu, sáng trăng vằng-vặc đêm rằm thì làng ấy có lục-lệ thi cỗ, nhà nào nhà nấy khiêng cỗ ra đình tế-cáo một vị thần khởi-thủy lập ra làng ấy, rồi cả làng cùng ra xem cỗ, hoặc khách tứ-phương tấp-nập đến xem cỗ, xong làng chuẩn-định lấy cao hạ, ban cho giải thưởng. Giải thưởng thì cũng không cần xa xỉ phiền-phức gì, chỉ đủ biểu-hiệu cho danh-dự mà thôi. Rồi nhà nào nhà ấy lại khiêng cỗ về nhà tế-cáo tổ-tiên, rồi mời thân-thích láng-diềng hoặc bè-bạn gần xa xum-vầy hưởng cỗ, rất là vui-thú.

Duy làng lại có một thứ huy-hiệu đặc biệt để khích khuyên người làm cỗ, là người nào làm được cỗ ra đình thì làng tặng cho cái huy-hiệu là Quan-viên hàng cỗ, người nào giật được giải

hai ba lần thì làng tặng cho cái huy-hiệu là Quan-viên-thợ-cỗ, người nào giật được giải luôn luôn thì làng tặng cho cái huy-hiệu là Quan-viên trùm-cỗ. Làng lại có cái huy-hiệu rất cao nữa là Quan-viên thánh-cỗ, nhưng chưa từng tặng ai, là ý còn để khích-khuyến lai-giả. Làng xử với các vị đàn-bà cũng đãi một cách bình-quyền; xét ra cỗ ấy quả là tay bà ấy làm ra, thì làng cũng tặng cho cái huy-hiệu như các vị đàn ông, chỉ thêm một chữ nữa là nữ-quan-viên mà thôi.

Nghĩa là làng cỗ có huy-hiệu quan-viên hàng cỗ, cũng như làng thơ có huy-hiệu thi-nhân; làng cỗ có huy-hiệu quan-viên thợ cỗ, cũng như làng thơ có huy-hiệu thi-hào, làng cỗ có huy-hiệu quan-viên trùm-cỗ, cũng như làng thơ có huy-hiệu thi-bá; làng cỗ có huy-hiệu quan-viên thánh-cỗ cũng như làng thơ có huy-hiệu thi-thánh, làng cỗ có huy-hiệu nữ-quan-viên cũng như làng thơ có huy-hiệu nữ-sĩ.

Phong-tục làng ấy hễ có nữ nào khéo làm cỗ thì chồng dắt chồng, hễ có nào vụng làm cỗ thì dù đẹp đến đâu cũng vẫn ế chồng. Nên chi cái danh-dự nữ quan-viên của làng ấy, chẳng khác gì cái danh-dự nữ-tiến-sĩ trong làng thơ.

Làng ấy tuy không có trường-hợp bó buộc nghề làm cỗ, nhưng thực đã có cái tinh-thần giáo-dục nghề làm cỗ. Người làng ấy có năng-lực bồi-dưỡng tài-liệu làm cỗ, có công-phu học tập phương-pháp làm cỗ; thành ra người nào người ấy đều có học-thuật làm cỗ. Mâm cỗ làng ấy như hoa như gấm, cảnh cỗ đình làng ấy như cảnh Bồng-lai, xét ra cũng không phải một ngày mà nên.

Về hồi trung-gian làng ấy có kinh-qua một thời-kỳ biến-thiên, nghề làm cỗ bị đình-đốn. Vì phong-trào của thời-thế xô-đẩy, bức tranh tiến-đồ còn thuộc về mộng-tưởng, người làng đều háo-hức sự nọ kia, do thời-kỳ háo-hức biến ra thời-kỳ chán-nản, do thời-kỳ chán-nản biến ra thời-kỳ biếng lười, đối với những vật sản thiên-nhiên của đất nước, ít người để chí chăn-nuôi, ra sức vun-giồng, thành ra những vật để làm tài-liệu làm cỗ xưa nay một ngày một hiếm-nghèo đi; mà những nghề tay dao tay thớt học gói học thái xưa nay, cũng biếng-nhãng không chịu học-tập, rồi nghề làm cỗ cũng một ngày một vụng dần đi. Duy cái danh-dự khiêng cỗ ra đình vốn là cái danh-dự vẻ-vang của dân-chúng xưa nay, không ai thôi được. Mà cái chiếu ông trùm-cỗ bà trùm-cỗ ở đình, ai cũng chực ghé lên ngồi, đua nhau lại càng hăng lắm.

Sau có một số ít người bày đặt ra một thứ cỗ, cỗ ấy có lẽ là thứ cỗ hóa-học hay là thứ cỗ thần-thông. Cứ xem những số người ấy họ bàn với nhau rằng:

— Chúng ta ở về thời-đại ưu-thắng với liệt-bại còn mập-mờ này, chúng ta muốn cạnh-tranh trong làng cỗ, chúng ta cũng chẳng cần gì tài-liệu làm cỗ cho chậm-trễ, với lề-lối làm cỗ cho bó-buộc, chỉ nên tìm ra một cách thần-thông biến-hóa là hơn.

Nay chúng ta chỉ dùng bằng hai chất, là giấy với bột; muốn râu rồng thì tỉa ra râu rồng, muốn vây cá thì trổ ra vây cá, muốn chả phượng thì in ra chả phượng, muốn nem công thì nặn ra nem công, hay là trổ-nặn ra lối gì nữa, cốt là hợp với cách tân-kỳ này thì thôi.

Ta lại có nhiều thứ thuốc nhuộm chế bằng hóa-học, ba-mươi sáu màu, màu gì cũng có, cốt là để huyền-diệu

mất người thì thôi. Lại cốt là bát đĩa cho sang, mâm bàn cho đẹp, khi khiêng ra đến đình, ai bảo rằng cỗ ta không to. Cái danh-dự thánh-cỗ thì chả dám, chứ cái danh-dự trạng-cỗ thì ta cầm chắc, chẳng phải nhường ai. Nhưng chúng ta lại phải biết rằng, cỗ của chúng ta, mục-đích không ở ăn, chỉ ở ghé lên chiếu đình mà thôi

Này anh em ôi! Lối cỗ ấy không phải là tự chúng ta mới sáng-tạo ra đâu, chính là chúng ta học đã có sách, nghề-nghiệp đã có thánh-sư đấy. Ngày xưa đời nhà Tấn có một người tài kém mà tô-chuốt được tiếng hay là bác Ân Thâm-Nguyên, đời gọi bác là cái bánh vẽ, nghĩa là cái bánh vẽ ra đó, tuy không ăn được, nhưng coi ra thì thật đẹp lắm. Lại ngày xưa đời nhà Lương có một người răn cấm sự sát-sinh là ông Tiên-Diễn (Lương Vũ-Đế), những con hi-sinh để tế ở nhà tôn-miếu ông đều lấy bột mà nặn ra, đời gọi là con hi sinh bột nghĩa là con hi-sinh nặn ra đó, tuy không ăn được, nhưng cái hình-thức con hi-sinh thì thực hoàn-toàn đủ cả.

Thế mà thiên-hạ khi ấy cũng phải sùng-bái hai vị thánh-sư giả-dối ta kia đấy. Đời Tấn có câu rằng: «Chàng Thâm-Nguyên nếu cứ nằm bẹp một chỗ mà chẳng trở dậy, thì ai là người cứu-vớt cho kẻ sương-sinh» — Đời Lương có câu rằng: «Ông Vũ-đế đã từng ba lần xả thân làm tôi-tớ cho nhà Phật để học-đòi lối cứu-khổ cứu-nạn». Anh em đừng tưởng cái bánh vẽ với con hi-sinh bột mà không có danh-dự đâu, chẳng danh-dự được thiên-cỗ, chứ lại chẳng danh-dự được nhất-thời ư?

Nay lối cỗ của chúng ta tuy là lối hàng mã đấy thật, nhưng hàng mã mà ngỡ-hầu được như Ân-tướng-quân, thì cớ gì mà chẳng hàng mã. Tuy là lối tô-he đấy thật, nhưng tô-he mà ngỡ-hầu được như Tiên-bồ-tát thì cớ gì mà chẳng tô-he.

Chúng ta cũng biết rằng, sự kết-quả của Ân-tướng-quân khi đi đánh giặc cũng thua liểng-siểng; nhưng gặp cái phong-trào hàng mã, thiết-tưởng chẳng bánh vẽ cũng hoài. Sự kết quả của Tiên-bồ-tát khi nằm suông ở Đài-thành cũng dói meo. Nhưng gặp cái cơ-hội tô-he, thiết-tưởng chẳng hi-sinh bột cũng hớ.

Họ nói thế, rồi họ thực-hành, trước còn ít người làm, sau nhiều người bắt-chước. Vì thứ cỗ hóa-học thần-thông ấy tiện cho người ta lắm, đã không tốn ngày tháng vun-trồng, chăn nuôi tài-liệu, lại không phí công-phu học-tập lễ-lối, mà vẫn hưởng được cái danh-dự ở chiếu đình, nên chi cái phong làm cỗ ấy cũng dễ bành-trướng mà sinh ra nhiều. Chỉ có một số ít người thương-tiếc đến vật-sản thiên-nhiên của đất nước, bảo-tồn lấy lễ-thép tủy-mĩ của tổ-tiên, mà cũng hiểu ra cái chân-lý rằng làm cỗ thì mục-đích ở ăn, có món ngon món khéo để người ta thưởng-thức, chứ làm cỗ mà mục-đích để giấu cái nghèo cái vụng của mình đi, chẳng thà đừng làm cỗ là hơn, chứ làm cỗ làm gì cho da-sự. Song cái chân-lý vẫn chửa thắng được cái hư-danh, nên chi nghề làm cỗ của làng ấy, bề ngoài tuy có linh-đình, nhưng bề trong thì không khỏi có phen đình-đốn. Sẽ hay sự tiến-hóa của nhân-loại, phải chắc-bằng ở chân-lý, khó có thể chắc-bằng ở hư-danh được.

* *

Có một người khách, nhân cuộc tiêu-dao, qua chơi làng ấy, nghe làng ấy có mĩ-tục khả-quan. Đến lúc đi vào đình, trông lên cỗ bàn có nhiều thức ăn quái lạ, xưa nay khách chưa từng được

46

trông thấy bao giờ. Khách nhân làm quen với người làng ấy, mà ước-ao rằng được hưởng cỗ ấy, thì người làng ấy họ tức-khắc hoan-nghênh ngay, không nhút-nhát gì cả. Kịp khi khiêng cỗ về nhà thì họ mời-mọc khách một cách sốt-sắng, dường như họ tự-phụ rằng họ có cỗ cho khách ăn. Kịp đến lúc ăn, thì trong ba-mươi sáu món, món gì khách cũng thử nếm. Hay đâu vừa đặt lên miệng, lại phải đặt ngay xuống mâm, chỉ bỗ xui-giục cho cái cơn thèm của khách mà thôi. Họ thấy tình-trạng khách như thế, họ lại mủm-mỉm nói rằng: « Đấy là thứ cỗ mới tại ông không quen ăn thứ cỗ ấy mà thôi; phàm sự ban đầu cái gì cũng là lạ, rồi lâu mãi sẽ thành quen, bao giờ ông quen thì ông ăn được, bây giờ ông lạ, trách gì ông không ăn được ».

Xem thái-độ họ, thì dường như họ lại cười khách rằng không biết ăn cỗ mới. Khách cũng không biết trả lời thế nào, mới ngỏ lời cảm-tạ trở ra về. Khi khách đã trở ra về, khách vẫn lấy làm hoài-nghi, nhân nghĩ bụng rằng, hay là một mình ta là thiên-kiến, chi bằng ta tham-hợp với chúng-kiến, để thí-nghiệm thứ cỗ ấy của làng ấy ra làm sao.

Nhân dủ được một ông đồ, bình-nhật chỉ hay ngất-ngưởng uống rượu và hay ngâm thơ, hễ có cỗ thì ông ấy nhắm rượu bằng cỗ, hễ không có cỗ thì ông ấy chỉ nhắm rượu bằng thơ. Kịp khi ăn cỗ làng ấy, thì ông ấy bảo với khách rằng: « Hôm qua có người đem một tập thơ, văn vẫn chẳng ra văn vẫn, văn tản chẳng ra văn tản, Kiều lầy chẳng ra Kiều lầy, lý-kinh chẳng ra lý kinh, phong-dao chẳng ra phong-dao, tục-ngữ chẳng ra tục-ngữ, bảo tôi ngâm-nga, tôi bảo rằng tôi xin chấp tay tôi lạy thơ ông. Hôm nay ông bảo tôi nhắm rượu bằng thứ cỗ này, tôi cũng xin chấp tay tôi lạy cỗ ông ».

Khách vẫn còn lấy làm hoài-nghi, lại nghĩ bụng rằng ông đồ ấy hoặc là ông đồ gàn, chửa tất đã khỏi thiên-kiến. Nhân lại dủ được một ông thiếu-niên danh-sĩ vốn tính phong-nhã hào-hoa, bình-nhật rất hay thưởng-thức thơ, lại hay thưởng-thức cỗ. Kịp khi ăn cỗ làng ấy, thì ông ấy lại bảo với khách rằng: « Tôi thưởng-thức thơ đã rộng, duy một thứ thơ kia, tôi chửa thấy tính-cách gì là thơ; tôi thưởng-thức cỗ đã nhiều, duy một thứ cỗ này, tôi chửa thấy mùi-mẽ gì là cỗ ».

Khách vẫn còn hoài-nghi, lại nghĩ bụng rằng: ông ấy tuy là nhà thi-hào, nhưng không phải là nhà âm-nhạc, nhà phanh-nhẫm, chửa tất đã khỏi thiên-kiến. Nhân lại dủ được một cô đào danh-ca trong kỹ-viện, tiếng đàn chen tiếng hát, tiếng phách lẫn tiếng sênh, thật là nghề đồng-thuộc; cá gỏi chim sào, long tu vây cá, thật là nghề tay trái. Kịp khi ăn cỗ làng ấy thì cô ấy lại bảo với khách rằng: « Hôm qua có người bảo tôi hát thứ thơ kia, chúng tôi đã dành phải gác phách. Hôm nay ông bảo tôi ăn thứ cỗ này, chúng tôi lại xin dành phải gác đũa. »

Khách nhân hỏi lại người đào hát rằng: « Sao bài hát Thét-nhạc trúc-trắc như thế, mà cô hát được, cỗ chay nhà chùa nhạt-nhẽo như thế mà cô ăn được? »

Thì cô ấy lại mỉm cười đáp rằng: « Bài Thét-nhạc khác, lối cỗ chay khác, xin ông đừng đem thứ thơ kia và thứ cỗ nọ mà bắt nạt chúng tôi ».

Khách vẫn còn hoài nghi, lại nghĩ bụng rằng các hàng như trên, đều là hạng người lớn cả, chửa tất đã khỏi thiên-kiến. Nhân lại dủ được mấy cậu

trẻ con ăn luôn miệng, mà học nói cũng luôn mồm. Kịp khi ăn cỗ làng ấy, thì chúng nó chỉ dửng-dưng như bánh chưng ngày tết. Nhân nghĩ đến ngày nọ dạy chúng nó đọc một thứ thơ kia, thì chúng nó ngắc-ngà ngắc-ngứ khó phần đọc được, khó phần thuộc được. Những câu phong-dao tục-ngữ thì ai dạy chúng nó, mà chúng nó vẫn thuộc thế, đọc trơn miệng thế.

Khách đã hiểu rõ ra cái chân-lý, mới nghĩ bụng phán-đoán rằng, có lẽ là làng ấy trải qua một hồi tru-thẳng liệt-bại mập-mờ, học-thuật khủng-hoảng, họ đã làm cho cái tài-liệu làm cỗ đã nghèo, cái phương-pháp làm cỗ đã vụng, thành ra người làng, phần nhiều người ít có học-thuật làm cỗ, nên chi họ phải bày đặt ra thứ cỗ hóa-học thần-thông ấy, để họ chia lấy chút phần danh-dự ở trong làng làm cỗ mà thôi.

Xét ra có hai cớ: một là họ bất-đắc-dĩ không phải là bản-tâm; hai là họ lấy nê tiến-hóa, ngông-cuồng, dùa-bỡn mà thành ra sự thực; nhưng hai cớ đều là lầm cả. Song-le thánh cũng có điều lầm, chẳng lầm sao làm được thánh. Ông Kha-luân-bố vượt bể tìm đất, cũng có khi lầm đường, rồi mới đạt tới Mĩ-châu; ông Huyền-trang qua núi cầu kinh, cũng có khi lạc lối rồi mới đạt tới Thiên-trúc; kẻ có chí cũng không sợ gì lầm, miễn là con nhà cỗ phải có lòng thương yêu làng cỗ, tôn-trọng nghề làm cỗ thì thôi; cũng như con nhà thơ, phải có lòng thương yêu làng thơ, tôn-trọng nghề làm thơ thì thôi. Nay ta đã có công tìm ra được chân-lý, thì ta cũng chẳng phải hoài-nghi gì nữa, ta chỉ sẽ xem cuộc tiến-hóa của làng ấy thế nào mà thôi. Ít lâu khách lại qua chơi làng ấy, thì thấy đất nước bỏ hoang, vật-sản hiếm-nghèo; mà cái nếp đình thì cỗ ấy, ngày xưa thì lâu-đài rực-rỡ, ngày nay đã phong cảnh buồn tênh; xem đến nhân-vật làng ấy thì trước sao béo tốt mấy, giờ sao gầy-gò mấy; trước sao hăng-hái mấy, giờ sao buồn tẻ mấy! Đã biết ngay rằng, trước kia có mâm cao cỗ đầy mà thưởng-thức, cho nên béo-tốt, cho nên hăng-hái; bây giờ chỉ có chén rượu nhạt uống suông, câu chuyện văn minh hão nói vã, cho nên gầy-gùa, cho nên buồn tẻ, chẳng hay người làng ấy đã có người nào biết nghĩ lại rồi đấy chăng?

Kịp khi khách vào tiếp chuyện với các người, thì làng ấy quả đã có nhiều người tỉnh-ngộ, nào là kẻ lên miệng phán-sự cỗ, nào là kẻ thắp hương hồn cỗ. Khi bắt đầu mới trông thấy khách, ai nấy đều tỏ lòng cảm-tưởng; cũng có người mừng mà bảo với khách rằng: « Cố-nhân! Cố-nhân! Cố-nhân đã dễ mấy khi bàn-hoàn! » Cũng có người khóc mà tỏ với khách rằng: « Đường xa! Đường xa! Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh! » Khách ngồi yên, người làng đều tỏ lòng lo toan mà hỏi khách rằng: « Chúng tôi muốn chấn-hưng lại cái quang-cảnh làng cỗ ngày xưa, thì ba-mươi sáu chước chước gì là hơn? »

Khách cũng tỏ ý trịnh-trọng mà đáp rằng: « Đất tổ đất tiên, đừng hoang mà bỏ; nghề gói nghề thái, phải học cho sành; các ông mà như thế, thì dình cỗ các ông lại như cảnh Bồng-lai ngay; thiết-tưởng ngoài chước ấy ra, không chước gì là hơn nữa. Các ông lại phải biết rằng thời-đại nào cũng phải đề-xướng học-thuật, nghề-nghiệp gì cũng phải tôn-trọng học-thuật. Cũng như nghề thơ chúng tôi, sách tổ sách tiên, đừng hoang mà bỏ, nghề nghiên, nghề bút, phải học cho sành; nên chi làng thơ chúng tôi người thì thi-thánh,

49

người thì thị-bá đều bởi học mà thành danh cả.

Người làng lại hỏi khách rằng: « Hiện nay nghề làm cỗ, làng khác cũng đều tiến-bộ; còn phải xét đến vấn-đề thâu-thái nữa chứ? »

Khách cũng trịnh-trọng mà đáp rằng: « Phải thâu-thái lắm! — Thí dụ như cái vật kia, các ông thâu-thái ở nơi khác đem về, mưa-móc của làng các ông nhuần-tưới, đất nước của làng các ông chăn-nuôi, đến khi làm ra cỗ lại là tay các ông thái nấu ra, ai bảo cái vật ấy, không phải là tài-liệu của làng cỗ các ông. Miễn là các ông đừng làm ra thứ cỗ hóa-học thần-thông mà thôi! Cũng như làng thơ chúng tôi, bài thơ kia chúng tôi thâu-thái ở nơi khác đem về, thể-cách của làng chúng tôi so vào, âm-ưởng của làng chúng tôi lựa nên, đến khi thành ra thơ lại là tay chúng tôi phiên-dịch ra, ai bảo bài thơ ấy không phải là tài-liệu của làng thơ chúng tôi. Miễn là chúng tôi đừng làm ra thứ thơ hóa-học thần-thông mà thôi ».

Khách nói đến đấy, lại ngỏ lời tán khen người làng rằng: « Ngày nay các ông lo-toan về việc chấn-hưng làng cỗ, hật là thích-hợp với thời-kỳ lắm! Vì ngày nay tài-liệu làm cỗ còn chửa thật mất, phương-pháp làm cỗ còn lắm người sành, chấn-hưng được dễ. Nếu hững-hờ khẳng-tẳng làm chậm-trễ mất thời-kỳ, mấy năm nữa, thì chấn-hưng khó lắm! Nên chi tôi bảo rằng chấn-hưng việc làng cỗ ngày nay, thích-hợp với thời-kỳ lắm! »

Khách lại từ-tạ ra về; chẳng bao lâu khách lại qua chơi làng ấy thì thấy cảnh cỗ làng ấy lại như cảnh Bồng-lai, mà lại có chiều phong-quang rực-rỡ hơn xưa; mà xem nhân-vật làng ấy, thì lại nhan-nhản thấy những vai thánh-cỗ ngất-ngưởng, vai trùm-cỗ béo xủ, vai hàng-cỗ linh-đình, vai thợ-cỗ tấp-nập.

Thế là cuộc tiêu-dao của khách đã được mĩ-mãn. Khách khi ấy tinh thần lai-láng, lòng cỗ bồi-hồi, nhân cảm-tưởng viết một bài rằng:

Sự đời tiến hóa có mau không?
Một cuộc tiêu-dao cũng lạ-lùng!
Non-nước đã buồn thơ hóa-học,
Cỏ-hoa lại thẹn cỗ thần-thông!
Khuyên ai chửa lấy kho phong-nguyệt,
Nhờ tổ mà ăn miếng đỉnh-chung!
Kính chúc cảnh thơ như cảnh cỗ,
Linh-đình chả phượng với nem công!

TÙNG-VÂN

TẾT CHƠI BIỂN

■

Chiều mồng một tết năm giáp-tuất
(14 Février 1934)

4 giờ, chiếc thuyền phong-lưu lấy neo, đánh cánh theo một hồi pháo nổ của mình tự tiễn đưa mình, có cái vẻ hùng-tráng lạ. Một thuyền chín người, trong ấy có những người thường đã có cùng nhau trong nhiều cuộc tráng-du : chị Ái-Ngọc, chị Ái-Hà, anh Nguyễn-Thắng là bạn chỗ thân-tình, với anh Trúc-Hà là tình trong cốt-nhục. Đi chơi, chuyến này, trong bọn thiếu mất hai người : cậu Đông-Hồ, tay thơ hay, bác Bạch-Như, tay đàn giỏi. Thiếu một nhà thơ và một nhà đàn, cuộc hành-lạc phen này, dẫu vui, nhưng cái vui chưa được là trọn vậy.

Để cánh buồm bên hữu, chiếc thuyền con, ngược gió, từ bến Đông-hồ thẳng ra mũi Kim-dữ. Rồi, sang cánh về bên tả, con thuyền bắt đầu ra khơi... Chợt bặt gió. Sóng nhồi, thuyền nhảy, sóng chông-chành, từ từ đi tới mau bằng cái tốc-lực của... một con rùa bò trên cạn. Cái khổ của kẻ chưa quen đi biển : trong bụng nôn-nao khó chịu, đầu óc lựng-vựng, muốn chống lại cũng không được. Gió vẫn bặt, con thuyền lơ-lửng giữa khoảng trời biển bao-la... 7 giờ đêm, chúng tôi tới ngang mũi Nai, trên ấy, một cây hải-đăng « sáng, tối » để chỉ đường những ai trong đêm trường sóng nước

Khuya : một đám mây đen giăng trước mặt chúng tôi về hướng tây. Bấy giờ mới có gió : gió to sóng cả. Thuận dòng xuôi gió, thuyền chúng tôi lướt trên mặt nước, cho bõ lúc lừ-đừ nhẽ-nhại buổi ban chiều. Thuyền chạy càng mau, tinh-thần tôi, người say sóng hơn cả bạn đồng-du, càng chấn-tỉnh.

11 giờ tới hòn Tre. Hôm nay ở về hướng tây, cách tỉnh-lỵ Hà-tiên độ 20 ngàn thước, Vị đông đạo-chủ cuộc đi chơi hôm nay, là chủ-nhân-ông cảnh hòn Tre này. Từ năm ngoái, ra đây khai-phá, trồng-trọt. Nay cũng nhân dịp đi chơi, ghé đây thăm hòn.

Trời điểm sao thưa, cảnh hòn Tre, một dải cao-cao đen-đen, nằm, hình bán-nguyệt, trên mặt nước lờ-mờ. Đàng xa, xung quanh chúng tôi, còn có những dải cao-cao như thế, nhưng mờ hơn. Chỗ thuyền chúng tôi đỗ, khuất gió. Mặt nước lặng sóng, chỉ thỉnh-thoảng cách khoảng rất lâu, một tí sóng ngoài khơi lượn vào nhẻ-nhẹ động chiếc thuyền một cách êm-ái. Tiếng gió hiu-hắt trên ngàn cây, cùng với tiếng sóng biển dạt-dào, trong khoảng đêm tối âm-thầm khiến cho người ta có cái cảm-giác thiêng-liêng huyền-bí

Chung quanh ngọn đèn khí-đá, chúng tôi vây lại ăn cơm, buổi cơm đầu trên mặt biển.

* *

Mồng hai tết

Một lớp sóng dồi, con thuyền động mạnh, khiến cho tôi tỉnh giấc say-sưa mê-mệt. Trời đã sáng. Thực, không còn gì vui bằng, vừa bằng mắt, trông ra bốn mặt biển trời lồng-lộng. Tiếng chim ríu-rít trên đồi, khúc nhạc buổi bình-minh đón chào cảnh-vật tươi sáng

lưng-bừng, nghe mà náo-nức vui vầy. «Dương-xuân triệu-ngã dĩ yên-cảnh ..» câu thơ của Lý-Bạch đời Đường hôm nay bỗng sống lại trong lòng tôi, rồi lòng tôi sinh ra vô cùng hứng-thú.

Sáng nay, trời thổi gió lốc. Chỗ bến chúng tôi đỗ thuyền đã có sóng, gió, cái sóng hữu-tình đã khéo gọi tôi dậy sớm để xem bức tranh trời nước về buổi bình-minh.

Cả thuyền, bấy giờ, đều thức. Xuống xuồng bơi vô bờ. Chân được đạp trên bãi cát trắng, chạy dài theo mé hòn, sau một đêm bị dồi-dập, ai nấy đều hiện vẻ hân hoan trên nét mặt.

Chủ-nhân đưa đi cho coi cảnh khai-phá ở hòn: đây là vườn ớt, đây là vườn cà, đây là vườn rau cải, đây là vườn mướp, đây là dừa, đây là lựu, v.v... nhưng thấy đều bị nắng hạn năm rồi mà khô héo, duy còn một vườn cây khóm, ngót ngàn cây, còn sống sót, mà sống một cách mạnh-mẽ. Cây xuân-trà thì rất nhiều, về độ này, đã có trái non; ăn vị còn chua.

Xem vườn xong, chúng tôi trở ra bãi. Ngồi nghỉ một chặp. Thổi cơm. Khúc nhạc quân-thiên của sóng gió đã giúp cho chúng tôi hôm nay ăn một buổi cơm ngon lành, ngồi trên bãi cát trắng nối liền hai chất: đặc, lỏng, khác nhau: đất và nước.

Cơm xong, mọi người mới bày ra cuộc đi bắt chem-chép. Trừ tôi ra vì mệt cũng có, và vì lười-biếng là phần hơn, đi kiếm chỗ ngủ, còn thì kẻ cây, người rỗ, rủ nhau đi cào cát bắt chem-chép.

Một tiếng gọi. Chồm dậy, tôi thấy người nào, người nấy, mình mẩy trớt lướt-mướt đang sắp soạn xuống xuồng để ra thuyền. Đâu vào đấy rồi, thì thuyền lấy neo. 11 giờ. Đi hòn Đước. Hòn này, là một hòn trong quần-đảo gọi một tên chung là hòn Tre, ở về phía nam, xa chừng hơn ngàn thước.

Gặp gió bấc, rất thuận buồm. Thường kẻ câu biển hay nhờ những dịp này mà chạy câu lắm.

Chạy câu, hay là thả «cây chạy», là một cách câu cá, dường câu bằng nhợ thiệt dài, đầu dây kẽ trên đuôi lưỡi câu, buộc một chùm lông gà trắng. Đường câu buộc ở sau thuyền. Gió xuôi, thuyền chạy mau, chòm lông gà và lưỡi câu nổi trên mặt nước. Cá thấy lông gà trắng, tưởng miếng mồi, lội theo dớp, thì mắc câu.

Vậy thì chúng tôi cũng có thả câu chạy.

Trời về trưa, nắng dầu có gắt, nhưng không có cái nóng bức-bối và mệt người như cái nóng trên đất liền. Ngồi trên «bon» thuyền mà nói chuyện, ăn mía, ăn dừa, thì thực là vui-vẻ thỏa-thích.

Bỗng một con cá cắn câu. Vội-vàng, phăng câu lên: một con cá bè khá lớn, sau một phen vùng-vẫy kịch-liệt rồi thì cũng đành chịu nằm im trong khoang thuyền. Cho hay làm việc gì mà được thỏa-vọng là có vui-thú. Thả câu, mong được cá. Một con cá có là bao, thế mà khi bắt được cá, thì rộn-rịp cả thuyền.

Gió dịu dần. Thuyền tới hòn Đước. Hòn rất khô-khan. Không có gì hay. Đỗ thuyền lại để nghỉ trưa và chờ gió đi hòn Nghệ. Đến 3 giờ, có gió nam, thổi cũng vừa. Lại lấy neo đi nữa. Định, thì đi hòn Nghệ, nhưng vì gió ngược không đi được, vả lại trong cuộc phiếm-du, cũng không phải cần gì chỗ nhất-định, nên thuyền cứ để cho đi theo chiều gió.

Bấy giờ, mặt trời đã xế. Sức nóng cũng dịu dần. Buông mắt trông ra thì nhan-nhản những hòn là hòn: đây là hòn Ông, hòn Bà, hòn Rề, kia là hòn Nghệ, hòn Son, hòn Mâm-xôi, hòn Heo

v. v... Mà thật-thế, thử giở bản-đồ thì thấy lốm-đốm cùng chỗ trong vịnh Xiêm-la.

Cái mà chúng tôi để ý biết thì từ ngày hôm qua đến nay, chỉ độc có một cánh buồm này ngoài biển thôi. Không có bóng một chiếc thuyền nào khác cả. Còn nhớ: chiều hôm qua, lúc ra thuyền trên bờ Đông-hồ, khách qua đường có nhiều kẻ đứng lại xem. Họ nghĩ gì? Chuyện đi thuyền đối với người Hà-tiên, nào phải đâu là chuyện lạ mà họ cần xem xét suy-nghĩ. Có lẽ là họ nghĩ cho bọn người nào đây dám bạo gan, vượt cái phong-tục tự nghìn xưa để lại, không kiêng cữ ba ngày đầu trong năm, chưa cúng thần « Hà-bá » mà dám vượt biển ra khơi. Cái ý-nghĩa ngày tết, rằng hay thì thật là hay, nhưng trong cái tục-lệ cũ-kỹ cũng nên lọc-lựa sửa-đổi, cho hợp với thời-đại và cho có lợi trong cuộc đời phấn-đấu ngày nay.

Vầng ô sắp lặn. Xuyên ngang qua lớp mây trắng phất-phơ, ánh tà-huy đàng chân trời đỏ rực, phản-chiếu xuống mặt nước xanh-xanh một đường vàng đậm, chúng tôi, bấy giờ đang ăn cơm trong bóng trời hồng bảng-lảng. Đồ ăn thì cũng những vị thường, thế mà ngon, ăn ngon hơn ăn ở mấy lầng cao-lâu danh tiếng. Dần-dần tấm màn đen của đêm bao phủ chúng tôi. Rồi thì chúng tôi chỉ còn thấy vị sao hôm sáng chói ở giữa bầu trời lấm-tấm những sao mờ.

Trong đêm tối âm-thầm, chiếc thuyền âm-thầm rẽ nước.

Đến khuya, đỗ thuyền ngủ đêm trước hang Tiền. Hang Tiền dính với đất liền, thuộc về quận Hòn-chong, cách quận lỵ độ hơn 3 ngàn thước. Quận này ở về hướng nam, cách tỉnh-lỵ Hà-tiên 30 cây số.

Mồng ba tết.

Sáng dậy lấy neo đi Hòn-Nghệ, ở về phía đông-nam quận Hòn-chong. Gió hiu-hiu, thuyền từ-từ đi tới.

Bữa nay mới thấy thấp-thoáng ngoài khơi, hai cánh buồm trắng, chói trước ánh sáng đầu của vầng thái-dương mới mọc. Thuyền đi khỏi hang Tiền. Hang Tiền, chỗ mà hiện giờ, khách viếng-cảnh còn đọc được bài thơ tức-sự của nhà chí-sĩ Trương Gia-Mô qua chơi năm nọ và - nếu chuyện không hoang-đường - thì đấy là chỗ chúa Nguyễn Cao-hoàng ta khi xưa, trong lúc bôn-bá phong-trần, đã từng vào đấy mà tị-nạn. Rồi, thuyền đi ngang Hòn-chong, rồi đi ngang hòn Phụ-tử. Ra khỏi Phụ-tử, thì đi thẳng về hòn Nghệ. Đến đây, trông về phía trước thì hòn đã thấy thưa dần.

Gió vẫn hiu-hiu thổi một mực mà mặt trời thì càng cao lên dần, càng nóng. Ban đầu còn chuyện vãn nhiều, sau câu chuyện cũng thưa dần với cái nóng gay-gắt của trời đúng ngọ.

Gió không rít, sóng không gầm, người ta không nói chuyện, chỉ còn nghe tiếng cót-két của cái trục cọ vào cột buồm, hoặc tiếng dây chạc xiết vào nhau, như tiếng đưa võng.

Trước cái cõi mênh-mông trời biển này, lòng tôi vui lắm mà tưởng chừng bạn cùng thuyền cũng đều như thế cả. Cái vui, tự mình cảm mà biết chứ không sao tả được, không biết vì đâu mà vui, mà vui như thế nào. Giữa khoảng lồng-lộng bao-la, trên một chiếc thuyền con, mới biết thân mình là nhỏ, là gợn bụi, là mảy lông, mới biết một cái chau mày của sóng nước đủ giết chết cả một thuyền, trăm ngàn những ai người vô-phúc. Mà một lần lòng mình biết cảm trước cảnh trời đất

bao-la thì mình mới có tấm lòng thương nhân-loại, thương non sông đất nước, mới có cái chí muốn ngang dọc, vẫy-vùng, mới có tấm lòng rộng-rãi như trời kia đất nọ, có cái gan thiết-thạch để liệu chống-chỏi với phong ba, để giữ mình trong cuộc sống còn, và để thương mình và bao nhiêu người đồng-loại, đang lạc-loài trong cõi phù-sinh... mối sầu hãy gác...

Nào có gì mới đâu, chỉ là : trời với nước. Ngày nào cũng thấy thế thôi ; thế mà cái vui không chán.

Còn nhớ câu thơ của thi-sĩ Tản-Đà :

...Nghìn trùng sóng gió ba khoang nứa,
Bốn mặt non sông một mái chèo ;
Những hẹn nước mây thu mấy độ,
Thử xem trời biển rộng bao nhiêu...

Hay quá, chí mình cũng muốn được như lời thơ ấy, lênh-đênh nay đây mai đó, mà tiêu-dao trong biển rộng trời-dài.

Thỉnh-thoảng một đôi chim nhạn bay đáp trên cộng cỏ lục-bình đã úa, để cho dòng nước xanh ngắt cuốn trôi đi. Làm thân con chim nhạn đã thảnh-thơi sung-sướng : « Chấp cánh tung trời bay, trăm năm cùng kết-bạn ». Mình lúc bây giờ cũng thảnh-thơi sung-sướng như đôi con chim nhạn nọ, nhưng cái kỳ-hạn đi chơi một vài ngày của mình sánh sao được với cái giới-hạn trăm năm của cặp chim trời cánh trắng chân vàng ấy !

Trời càng trưa, nắng càng gắt, mà nắng càng gắt thì mặt nước càng xanh, và càng chói như kim-cương, mà sắc núi xa trông càng tím. Rồi dường như ông Trời kia cũng xót thương cho tấm thân da thịt của con người, nên cũng bớt cơn thiêu-đốt mà dịu dần-dần xuống, đến 4 giờ chiều giúp cho một cơn gió mạnh. 5 giờ chúng tôi đến hòn Nghệ.

Thuyền đậu ở bãi nam. Lên bờ, đi xem qua các chỗ rồi thì trời cũng vừa mát. Xa trông mặt nước phẳng-lì, tiếp liền với chân trời. Cơm xong, chèo thuyền qua bãi chướng ngủ đêm.

Hòn Nghệ, hiện-thời có 10 cái gia-đình thật là đông-đúc : nào cha, nào mẹ, nào vợ, nào chồng, nào là con trai, con gái. Có một người hương Ấp. Họ ra đấy khai phá đã 7 năm rồi, bề-thế ăn ở trồng-tỉa xem có cơ-sở lắm. Có mía, có bắp, có dừa, có chuối, có mít, có đu-đủ, tóm lại, là có gần đủ các thứ rau, các thứ quả của xứ ta. Mà một điều rất ngộ là ở đấy họ có đạo Cao-đài hết cả. Người ở đây không được đãi-bôi vui-vẻ. Trong cái cách tiếp-rước sống-sượng của họ, có lộ cái vẻ con người vừa chất-phác thật thà mà cũng vừa linh-ma quỉ-quái. Sống về rẫy bái có, sống về biển-giả có, tương lai hòn Nghệ này có thể trở nên một cái thị-trường nho-nhỏ.

∴

Mồng bốn tháng giêng

Ở hòn Nghệ, ngoài 10 cái gia-đình theo đạo Cao-đài, còn một chỗ có kẻ theo đạo Phật tu-hành. Ấy là cái « Lầu chuông »

Nói « lầu chuông » đừng tưởng-tượng rằng đấy là một cái nhà lầu nhân-tạo, trong có một quả chuông khổng-lồ. Không, không phải thế. Thực là một cái đồi đá to, thật cao, ở xa trông giống như hình một quả chuông.

Chính là chỗ ấy, mà sáng hôm chúng tôi len-lỏi lên xem. Lên xem phải mệt-nhọc lắm. Chỗ thờ Phật, phải trèo dốc

qua đèo, dôi ba lượt. Đường đi có chỗ thì chật hẹp vừa một người qua được, có chỗ cũng rộng - rãi khang - trang, tưởng chừng như đang ngồi ở giữa một cái thành bằng đá. Cây cỏ lưa thưa. Một ngọn gió thoảng qua, lá cây thì-thầm. Lòng tưởng như mình không phải là còn ở trần-thế, mà đã lạc vào một cái cảnh-trí thần-tiên nào. Lenlỏi trên con đường hang dốc : cỏ, cây, đá, thân-thể có mệt thật, nhưng tinh-thần được vui lắm, quên hẳn những nỗi bận lòng, mệt trí hằng ngày, chỉ chăm chút cho tới nơi cảnh thiên-nhiên tuyệt-đẹp.

Bây giờ chúng tôi lên tới điện. Chỗ này đất bằng, có núi bao-la mặt sau, một mặt trước ngó ra biển. Quang-cảnh thực là bát-ngát. Cảnh thật đẹp nhưng hiềm vì cái điện mới cất : ngói, gỗ, hãy còn mới và hai người tu ở đấy : một bà vãi già với một ông thầy chùa còn trẻ không có vẻ gì là đồ-đệ của họ Thích-già. Ăn nói còn màu-mè, chùa-chiền còn chưng-dọn sửa-sang cho sáng-sủa sang-trọng, vẻ tục mùi tiên lẫn-lộn. Núi ở ba mặt, sau có đường đi đến tận ngoài trông ra biển. Nước biển thật trong, ở trên cao độ 20 thước mà còn thấy được bóng con cá lượn dưới nước.

Thăm các động xong thì vừa đúng 10 giờ, chúng tôi trở về thuyền. Cơm nước xong lấy neo về Ba-hòn-đầm, ở nhằm phía tây-bắc hòn Nghệ.

Gió xuôi, đi hồi 12 giờ 10 phút, đến nơi thì đã 3 giờ 15 phút.

Ba-hòn-đầm ! Như cái tên nó đã chỉ rõ, nghĩa là ba cái hòn nằm ra hình tam-giác (Triangle). Nước lặng-lẽ như nước trong đầm, nghĩa là lúc nào cũng êm. Hai cái hòn, một cái bãi cát nối lại với nhau, nước nông, lội hòn này qua hòn kia được. Thuyền chúng tôi vào neo ở giữa ba cái hòn ấy. Đoạn lên bờ.

Trên cái hòn mà chúng tôi lên thăm, có một cái nhà lá ba gian thật rộng, không có cửa ngõ gì cả. Chung quanh thì nào là vườn mía, vườn chuối, vườn ớt, vườn bắp v. v... Chủ-nhân là một bà-già, 59 tuổi, nhưng trông người còn sõi lắm : bà Ba-Thạnh, mà sau vài câu chuyện, đã nhìn nhận bà con với bọn chúng tôi. Ở giữa trời biển này mà còn có gặp bà-con nữa ư ? Thôi thì tha-hồ, đã là bà-con thì còn ngại gì mà chẳng bà con vì có đủ cả đồ ăn vật uống

Trời về chiều, những ánh thừa của vầng ô còn giọi xuống đầm. Chúng tôi bơi xuồng chung quanh đấy chơi. Có chụp lấy mấy tấm ảnh. Cuộc vui hẳn là nhiều thú. Dưới mé nước của cái hòn này, có một cái bãi đá sỏi hình chữ nhật Trên bãi đá ấy, lúc trời đã thật mát, chúng tôi, đứa nằm, đứa ngồi, vừa nhặt đá sỏi và một vài cái vỏ ốc lẫn lộn trong ấy, vừa nói chuyện. Rồi sau buổi cơm tối ngon lành, chúng tôi cũng ngồi mãi ở đấy mà nối luôn câu chuyện. Cảnh đẹp luyến người, ngày vui vẫn ít thì hẳn cũng nên ngồi đấy lâu được chừng nào hay chừng ấy.

Một đống lửa đốt bằng cây khô, gần bên cạnh chúng tôi. Quang-cảnh tương-tự như cuộc đốt đình-liệu của đồng-tử quán Mảnh trăng non bấy giờ, vì tuần thượng-huyền, treo lơ - lửng trên cái đồi trước mặt chúng tôi, có cái vẻ dịu-dàng trai-trẻ. Tôi và chị Ái-Ngọc còn ngồi nhìn trăng, nhìn nước ; bên cạnh chị, chị Ái-Hà nằm nghỉ mệt và anh Nguyễn Thắng đã ngủ. Anh Trúc-Hà thì đốt đuốc đi soi cua quanh bãi.

Đêm lạnh, lạnh như những cái đêm khác ở nơi hòn bãi. Dòng nước gợn

sóng lăn tăn dưới ánh vàng yếu đuối của mảnh trăng mồng bốn. Một lượng sóng lâu-lâu bò tràn vào bãi. Cái hòn trước mặt chúng tôi thì mờ-mờ trước mảnh trăng sắp lặn. Lát-lát một luồng gió thoảng qua rung động cành lá trên cây bàng.

Vẻ nước, màu trời, bóng trăng, sắc núi, hơi gió thì-thào, tiếng sóng dào-dạt, cho đến bóng người tiếng nói của chúng tôi đâu có một vẻ mơ-màng như cảnh chiêm-bao. Bấy giờ chúng tôi cũng thôi, không nói chuyện nữa, chỉ lẳng-lặng ngồi ngắm cái cảnh bát-ngát âm-thầm. Ngọn lửa ở đống củi khô phản-chiếu, để tôi trông rõ cặp mắt lờ-đờ mơ-mộng của chị Ái-Ngọc. Chị ấy đang vơ-vẩn nhớ một chuyện gì. Đêm lạnh trăng mờ, cảnh khơi gợi cho tấm lòng đa-cảm ấy những mối tình-tứ say-sưa. Thường dưới thuyền, hay trên bãi, chị ấy nói chuyện nhiều hơn cả bạn đồng-du. Cái vui tính chuyện nhiều tự-nhiên vốn sẵn có ở con người phong-nhã ấy. Thế mà đêm nay chị cũng cảm, cũng buồn, cũng bàng-hoàng ngơ-ngẩn trước cái cảnh phảng phất mơ-màng, đang cái giờ thần-tiên êm ái ấy.

Mà đâu đó cũng là thường-tình nhân-loại, dầu người vui tính đến đâu, cũng vẫn riêng một nỗi buồn kín-đáo, chỉ gặp ngoại-cảnh xúc-động là phát-tiết ra ngoài rồi mới trở lại được với cái tính tự-nhiên vui vẻ. Lấy triết-lý mà nói, lấy con mắt bi-quan mà xem thì trên cuộc đời diu-hiu vắng-vẻ, gió sớm mưa chiều này, mỗi lần nghĩ đến, ai là người khỏi phát-sinh một mối thê-lương trù-trướng!

Kiếp phù-sinh, đời linh-lạc, nhiều khi lòng cũng đã nhủ lòng, nhưng cái đêm nay, cái đêm khêu gợi ra mối bồi-hồi cảm-khái:

« Như thỏa, như vui,
Như sầu như chạnh.

Hỏi khách:

Vì đâu mà vui,
Cớ sao mà chạnh! »

Đọc câu thơ kia rồi mình tự hỏi mình, thực không biết được nỗi buồn từ đâu cả.

Thôi thì, cái tình hoài sầu-cảm đã không biết tự đâu mà có, nay chót đã có, thôi hẳn cũng nên: « Này nước, này non, ghi lấy cuộc hôm nay hề cuộc hành-lạc; hỡi trăng, hỡi gió, nhớ lấy đêm hôm nay hề đêm thưởng-thu ».

Đem chữ « thu » đi mà thế vào chữ « xuân », thì cái tình-hoài sầu-cảm này cũng giống như của khách du-hồ năm nọ, gió, trăng, non, nước, cùng chung một mối cảm-hoài, thì trăng, gió, nước, non, của Ba-hòn-đầm, xin cũng vì ai mà ghi nhớ cái « đêm tình » trong một quãng đời phong-lưu, phong-thú.

∴

Mồng năm tháng giêng

Đêm nay, ngủ trên nhà bà Ba-Thạnh. Phải mấy đêm nằm chật-chội tù-túng dưới thuyền, nay một mình thong-thả tự-do, trên một bộ ván, mua được một giấc ngủ đầy từ 9 giờ tới sáng.

Đêm xuân một giấc mơ màng,
Tỉnh ra chim đã kêu vang quanh nhà.

Cái buổi sáng ở hòn Đầm này là thế ấy. Trời xuân, cảnh xuân, với mấy tiếng chim ấy, lòng người cũng đầy vẻ nồng-nàn âu-yếm.

Trời từ sáng đã thổi gió chướng. Thuyền chưa đi được. Phải đợi gió nam mới về hòn Chong, vì bà chủ hòn này nhờ chúng tôi đưa về hòn Chong.

Vậy thời hôm nay ở lại. Đi thăm khắp cảnh hòn rồi lấy làm phục cái tài của một bà già 59 tuổi, đã mạo-hiểm ra hòn ở một mình, đã hai năm rồi, khai-phá một chỗ hoang-vu trở nên một nơi sáng-sủa có vườn-tược, hoa quả. Một mình ra ngoài biển khơi lặn ốc, một mình với một chiếc thuyền con, bơi từ hòn này qua hòn nọ. Cho hay « hữu-chí cánh-thành » mà « có tin thì lấp biển cũng không lâu » và « có gan trời cũng thua người ».

Bốn giờ chiều, trời có gió nam. Lấy neo, thuyền từ-từ ra bến, cái bến mà bây giờ tôi đã có tình quyến-luyến, chỉ trong khoảng thời-gian 24 tiếng đồng hồ. Biết rằng: hậu-hội hữu-kỳ, nhưng bọn du-tử năm nay còn kiếm lại được đủ những dấu chân xưa đã in trên mặt đá đó chăng!

6 giờ rưỡi, thuyền neo lại hòn Đụng, câu cá. Câu một chập, được non một chục: cá hường, cá mú. Kể từ ngày đi đến giờ, chưa có buổi cơm nào ngon hơn buổi « cơm cá tươi » hôm nay nữa.

Tuy rằng trăng về mồng 5, nhưng cũng sáng, sáng đủ soi rõ mặt sơn-hà, đủ giúp cho buổi ăn hôm nay thêm bội phần thú-vị.

Gió xuôi, thổi mạnh. Con thuyền rẽ sóng, tạt nước hai bên. Mờ-mờ, tỏ-tỏ, những hòn lớn nhỏ xa gần, đều nằm im nhìn cho thuyền chúng tôi, phăng-phăng lướt trên mặt biển trắng phau-phau bọt sóng.

Ôi! cái đêm tình-tứ! Bao giờ gặp lại cái đêm như cái đêm hôm nay nữa!

12 giờ khuya về tới hòn Chong. Sau khi đề bà khách lên bờ rồi, con thuyền lại cũng thuận buồm, xuôi gió, về đến bến thì vầng thái-dương vừa đỏ lửng, rực-rỡ trên mặt nước Đông-hồ.

Viết trên bờ Đông-hồ, ngày đầu xuân Giáp-Tuất (24-2-34).

TRÚC-PHONG

(Học-trò của Tri-Đức học-xá)

ĐỜI SÚNG ĐẠN

Một truyện trinh-thám mạo-hiểm hồi Âu-chiến (1)

VIII

Lệ-Ti đợi cho chúng đi cả rồi mới vào phòng khách. Nàng nghĩ Mạch-Hải sắp bị chúng hại, phải đi cứu mới được, nhưng trong tay không có một tấc sắt nào, tay không không thể đấu với chúng được. Trong lòng nóng-nảy, nàng tìm khắp cả trong phòng muốn kiếm một cái khí-giới gì để tự-vệ mà không được. Chợt trên bàn giấy có cái điếu hút thuốc lá bằng gỗ na-ná giống khẩu súng lục, nàng liền vớ ngay lấy rồi chạy lên gác chỗ giam Mạch-Hải. Lúc ấy chúng đang vây bọc chung quanh Khắc-Tư, bắt hiếp chàng phải nói những tình-hình bí-mật của quân Mĩ. Lệ-Ti đạp cửa vào, chĩa cái điếu gỗ vào chúng mà hô to :

— Giơ cả tay lên !

Chúng giật mình quay lại, trong lúc hoảng-hốt và cập-quạng tối tưởng là Lệ-Ti có súng thật phải giơ cả tay lên. Lệ-Ti thấy ở trên góc tường có treo cái máy nổ, mới liền chạy lại toan giật cho chết hết cả thì tên đầu đảng thừa-cơ chĩa súng vào lưng nàng bắn theo một phát. Khắc-Tư trông thấy, nhưng kịp quá không làm thế nào được, đành nhảy ra lấy thân đỡ lấy đạn cho Lệ-Ti. Chàng bị đạn trúng vào ngực đau-đớn quá ngã khuỵu xuống. Trong khi ấy Lệ-Ti đã chạy được đến cái máy nổ giật một cái, tức thì một tiếng nổ vang trời, làm cho chỗ sàn gác đảng chúng đứng sụt xuống một mảng lớn. May chỗ Khắc-Tư và Lệ-Ti đứng lại không việc gì. Dưới tầng gác ấy chẳng may lại là chỗ bể chứa nước cường-toan, chúng rơi sạch cả xuống đấy không còn sót một mống. Trong mấy phút mà bấy nhiêu cái xác người đều tiêu-tan hết, nước cường-toan sôi sùng-sục, khói độc bốc lên, rồi chỉ còn có vàng mỡ nổi lềnh-bềnh trên mặt nước. Thế là gậy ông lại đập lưng ông, chúng định dùng cái bể ấy để giết người mà lại hóa ra để giết chúng. Thật là đáng kiếp vậy.

Lệ-Ti chắc mầm người bị thương nằm đấy là Mạch-Hải mới quì xuống nâng dậy, miệng sẽ gọi :

— Ông Mạch-Hải ơi ! Ông Mạch-Hải !

Kịp khi trông thấy mặt thì hóa ra Khắc-Tư, nàng giật mình ngạc-nhiên, lại kêu lên :

— Khắc-Tư ! Ông Khắc-Tư ! Sao ông lại ở đây ? Mạch-Hải đâu ?

Khắc-Tư lúc ấy còn tỉnh, mới đem việc mạo-hiểm vào sào-huyệt của đảng Đức mà đánh đổi y-phục cho Mạch-Hải trốn, nói cho nàng nghe. Lệ-Ti nghe nói khôn xiết cảm-động, rớt nước mắt khóc :

— Sao ông lại cam chịu nguy-hiểm mà cứu chúng tôi như vậy ?

(1) *Xem Nam-Phong từ số 197.*

Khắc-Tư thở hổn-hển, cố gượng nói:

— Chỉ vì tôi yêu... yêu Lệ-Ti.

Nói xong chàng ngất đi. Lệ-Ti nghe nói lại càng cảm khích, tự cho rằng mình không giết Khắc-Tư cũng như giết Khắc-Tư, vì Khắc-Tư đã vì mình mà phải bỏ mạng. Nghĩ đến đấy thì trong lòng rất đau đớn, nàng khóc, nước mắt tuôn xuống như mưa...

Một lúc cảnh-binh và Mạch-Hải đến. Mạch-Hải thấy Khắc-Tư bị thương trầm trọng thì đông lòng thương xót buồn rầu, nhưng chàng mừng rằng Lệ-Ti được vô-dạng. Lệ-Ti nhờ cảnh-binh đem Khắc-Tư vào nhà thương cứu chữa. Vừa cúi xuống để khiêng Khắc-Tư lên, họ bỗng thất-vọng thở dài:

— Ông ấy chết rồi!

Mạch-Hải và Lệ-Ti sợ hãi, cúi xuống xem thì quả-nhiên quả tim Khắc-Tư đã thôi đập, mà cái xác không bồn lạnh-lẽo cứng đờ. Than ôi! Khắc-Tư! Lệ-Ti ôm lấy xác Khắc-Tư mà òa khóc lớn lên, nước mắt chảy xuống ròng-ròng. Mạch-Hải cũng gục xuống ngực Khắc-Tư mà nức-nở thổn-thức.

Lệ-Ti muốn tự mình đảm-đang việc tống-chung cho Khắc-Tư, nhưng bọn cảnh-binh ngăn lại nói:

— Ông Khắc-Tư đã là chánh-trinh-thám của nước Mĩ thì tức là một phần-tử của quân Đồng-minh, nay bị người Đức giết cũng chẳng khác gì chết ở nơi trận địa, nên lấy quân-lễ mà tống-chung ông ấy, để khích khuyến người sau và cho Khắc-quân được ngậm cười nơi chín suối.

Lệ-Ti khen phải. Cảnh-binh và Mạch-Hải đi ra trước. Còn Lệ-Ti nấn-ná ra sau, trông Khắc-Tư mà bồi-hồi không nỡ dứt. Nàng cúi xuống hôn vào tay Khắc-Tư, rồi gạt nước mắt ra đi, lại còn dùng-dằng quay lại nhìn ba bốn lượt.

Trong khi ấy, chẳng ngờ lại còn một tên dỗ-đảng của chúng sót lại, đứng ngoài biết hết tình-hình. Tên này liền gọi điện-thoại đến khách-sạn Hoắc-tư-ban báo cho tên bồi quê biết rằng bọn Lệ-Ti không việc gì mà toàn-thể đảng thì bị chết hết chỉ còn sót lại một mình, và dặn tên bồi quê đêm hôm nay nếu bọn Lệ-Ti về đấy thì liện lập kế mà giết đi, nếu vạn-nhất lại thất-bại nữa sẽ có người đến giúp sức. Tên bồi quê nghe tin báo cả sợ, còn đang nửa tin nửa ngờ thì bọn Lệ-Ti và Mạch-Hải vừa về đến nơi

Đêm đã khuya, bốn bề đều im lặng. Lệ-Ti vừa toan tắt đèn đi ngủ thì chợt nghe có tiếng lách cách sè sẽ. Trước nàng còn không để ý, sau nhìn vào chỗ khóa cửa thì thấy chuyển-động. Nàng vội-vàng tắt đèn đi, đứng nấp vào một xó đình. Một lúc cánh cửa từ từ mở ra, một cái bóng người rón rén đi vào tay cầm một con dao sáng nhoáng. Cái bóng ấy cứ đi lò-dò như có ý tìm tòi, nàng trông dáng bộ thì đích là tên bồi quê. Nàng cầm lấy cái bình hoa ở trên bàn ngắm đúng cái bóng ấy mà ném. Cái bình trúng cái bóng rồi rơi xuống đất vỡ tan kêu đánh xoảng. Cái bóng ấy đang luống cuống thì Lệ-Ti nhảy đến đá thốc cho một cái thật mạnh. Tên bồi ấy đau quá buông con dao xuống đất. Lệ-Ti thấy nó mất dao rồi không sợ nữa, xông vào ôm lấy nó. Hai bên vật lộn nhau kịch-liệt một hồi lâu. Lệ-Ti dù ngã được tên bồi nhưng nó khỏe, nó lôi cả Lệ-Ti ngã theo xuống. Tên bồi nhặt được con dao thẳng cánh đâm vào ngực Lệ-Ti. Nàng nhanh tay

nằm* ngay được cổ tay tên bồi. Một bên hết sức đẩy đi, một bên hết sức ẵn lại, con dao cứ lăm-lăm ở giữa hai người.

Nhưng sức Lệ-Ti yếu dần, con dao cứ từ-từ đưa vào ngực nàng, nàng chắc nằm rằng thế nào cũng chết. Nhưng may sao, giữa lúc ấy, một người đàn ông lực-lưỡng đi vào, đầu đội mũ đen xụp xuống tận mắt, mặc cái áo tơi đen cổ che lấp cả mặt không thể nhận biết được là ai. Một tiếng súng nổ, tên bồi quê ngã ra chết, mà người đàn ông kia tức thì trở ra ngay. Lệ-Ti ngạc nhiên, không hiểu người ấy là ai, đang ngơ-ngác thì Mạch-Hải chạy vào. Lệ-Ti vội-vàng nói:

— May quá, nếu không có ông cứu thì tôi đã chết rồi.

Mạch-Hải ngạc-nhiên:

— Tôi cứu cô? Không! Tôi nghe thấy tiếng súng thì vừa chạy sang đây.

— Nếu vậy, lạ! Một người đàn ông vào đây bắn chết tên bồi quê nó định hành-thích tôi, tôi lại cứ tưởng là ông.

— Không, không phải tôi. Quái, người ấy là ai mà lại bí-mật như vậy?

— Thôi thế thì tôi chắc rằng lại một người nghĩa hiệp nào đấy thôi, nếu quả vậy thật là may cho bọn mình, trong chuyến đi này lại có người bảo-hộ ngầm cho.

Mạch-Hải cũng cho là phải, rồi lập tức đem việc ấy báo cho chủ khách-sạn và sở cảnh sát biết. Đêm hôm ấy, hai người thắc-mắc suốt đêm không sao ngủ được.

■

Chính chiều hôm bọn Lệ-Ti đến đất Pháp thì quan phó-tướng Pháp là Mặc-Nhĩ bị trinh-thám Đức ám-sát.

Nguyên chiều hôm ấy, Mặc-Nhĩ từ bộ Tư-lệnh về nhà riêng. Mặc chưa có vợ con gì cả, một mình với tên bầy tớ ở một cái nhà ở phố Lạp-cống. Hôm ấy tên bầy tớ xin phép về quê. Cơm tối xong, Mặc-Nhĩ làm việc qua-loa rồi đi ngủ.

Trong bọn trinh-thám Đức có một người tên là Mã-Tu, mặt giống Mặc-Nhĩ lắm. Bọn trinh-thám mới lợi-dụng cái giống ấy mà lập một kế. Chúng biết rằng Mặc-Nhĩ tối hôm ấy ở nhà có một mình, bèn sai Mã-Tu đến. Mã-Tu trèo qua tường vào, lấy thìa khóa riêng mở cửa phòng ngủ Mặc-nhĩ mà vào. Mặc-nhĩ thấy động mở bừng mắt ra, thấy một người thong thả bước vào. Mặc-Nhĩ ngồi vùng dậy thì người ấy đã đến trước mặt tươi cười lễ-phép cúi chào. Mặc-Nhĩ trông người ấy giống mình như hệt lấy làm lạ quá, quát lên hỏi:

— Anh là ai? Đang đêm vào đây làm gì?

Mã-Tu cười, ung-dung đáp:

— Tôi là người đại-lý cho tướng-quân Mặc Nhĩ đây. Tôi biết rằng tôi giống tướng-quân lắm nên lại đây yết-kiến tướng-quân, và yêu-cầu tướng-quân một việc.

— Tôi không biết anh bao giờ cả, thì cớ gì mà yêu-cầu. Ừ thì anh muốn gì?

— Điều tôi muốn giản-dị lắm không khó-khăn gì cả. Tôi chỉ muốn rằng tôi với tướng-quân đổi địa-vị lẫn cho nhau, tướng quân phải ở nhà, bao nhiêu chức-quyền của tướng-quân cho tôi mượn mấy hôm, công việc tôi xong lại xin đem trả tướng-quân. Chỉ có thế thôi.

Mặc-Nhĩ nổi giận quát lên:

— Chức-quyền của tao là của chính-phủ trao cho, sao lại có thể đem cho ai mượn được. Mày đừng có láo. Muốn sống ra ngay.

Mã-Tu rút súng chĩa vào Mặc-Nhĩ:

— Đã vào không bao giờ chịu ra không. Biết điều phải nghe ngay, không thì viên đạn này phải nổ.

Mặc-Nhĩ đứng dậy chỉ vào Mã-Tu:

— Đừng có lấy súng mà nạt tao. Tao là một kẻ quân-nhân của nước Pháp lại sợ chết à? Đây bắn đi! Không bao giờ tao phải thuận theo một điều vô-lý. Bắn đi!

Mã-Tu nổi giận toan bắn, nhưng lại trọng cái can-đảm của Mặc-Nhĩ, mấy lần toan bắn lại thôi. Rút lại lấy lời ôn-tồn bảo Mặc-Nhĩ:

— Sao tướng quân chấp-nhất thế? Một đàng chức-quyền, một đàng tính-mệnh, đàng nào hơn. Tướng-quân nên biết rằng đã chết thì không sống lại được nữa, nên nghĩ kỹ đi.

Mặc-Nhĩ nổi cáu, quát lên mắng:

— Muốn giết thì cứ giết đi, việc gì phải nhiều lời. Tao đem thân báo nước thì sống chết lợi-hại có kể vào đâu, ai khiến mày lo.

Mã-Tu buồn rầu nói:

Bản-tâm tôi không muốn giết ông đâu, nhưng ông cứ cố-chấp như thế thì vì tổ-quốc tôi đành phải giết ông vậy.

Nói xong một tiếng nổ đoàng, thế là kết-quả cái đời anh-hùng của Mặc-Nhĩ. Mã-Tu liền chạy ra cửa gọi đồng-đảng vào, đem thi-thể Mặc-nhĩ để lên giường. Mã-Tu lấy y-phục phó-tướng của Mặc-Nhĩ mặc vào mình, xong đâu vào đấy thì vừa tang-tảng sáng, bọn đồng-đảng vội-vàng đi ra.

■

Trước kia Mạch-Hải ở Ba-lê cũng có quen biết Mặc-Nhĩ. Lần này đến Ba-lê, Mặc-Nhĩ có mời Mạch-Hải và Lệ-Ti đến trưa hôm sau đến chơi ở bộ Tư-lệnh. Mạch-Hải y-hẹn, cùng Lệ-Ti đánh xe hơi đi. Gần đến nơi thì đằng trước mặt có một người lính cưỡi xe máy phóng đến. Đến nơi, người lính ấy bảo xe của Lệ-Ti dừng lại, rồi lễ phép hỏi:

— Có phải xe của ông Mạch-Hải và cô Lệ-Ti đây không?

— Phải.

Người lính bèn đưa cho Mạch-Hải một phong thư, Mạch-Hải mở ra xem, thấy:

Cô Lệ-Ti và ông Mạch-Hải,

Tôi rất lấy làm tiếc vì bận việc không tiếp cô và ông ở bộ Tư-lệnh được; vậy xin kính mời đến nhà riêng của tôi ở số 18 phố Lạp-cống, chúng ta sẽ nói chuyện về quân-sự bí-mật.

MẶC-NHĨ

Mạch-Hải xem xong đưa cho Lệ-Ti xem. Lệ-Ti hỏi:

— Ý ông thế nào?

— Ý tôi thì ta thử đến xem, vì hắn nói có chuyện bí-mật về quân-sự, ngờ có quan-hệ đến việc của ta chăng?

Lệ-Ti gật đầu, bèn bảo tài-xế quay xe đi về phố Lạp-cống.

Mã-Tu giết Mặc-Nhĩ rồi thì ở liền ngay đấy. Đến sáng, người bầy tớ của Mặc-Nhĩ ở nhà quê đến, Mã-Tu sợ lộ chuyện mới tìm cớ đuổi đi ngay, công-việc coi nhà và bếp nước bèn giao cho một nữ-đảng-viên. Bố-chí đâu vào đấy, Mã-Tu mới đến bộ Tư-lệnh, bắt chước chữ của Mặc-Nhĩ viết thơ sai tên lính đưa cho Mạch-Hải, rồi lại về nhà ở phố Lạp-cống, gọi đây nói đến nhà thương bệnh phong của người Đức bảo rằng:

— Bọn Lệ-Ti trúng kế tôi rồi, mau mau phái mấy người cảnh-binh khỏe-mạnh đến mà bắt, cứ bảo chúng nó mắc bệnh phong, thế là công-việc của đảng mình thành.

Viên giám-đốc nhà thương phong là Khang-Đốn cũng là một đảng-viên của đảng trinh-thám Đức, được tin lấy làm mừng-rỡ, liền cho đánh xe riêng của nhà thương đi ngay. Mã-Tu thì đi đi lại lại ở phòng khách để đợi bọn Lệ-Ti đến đem thân vào lưới.

Nửa giờ sau, Mạch-Hải và Lệ-Ti đã ngồi trong phòng khách ở nhà Mặc-Nhĩ rồi. Mã-Tu tiếp-đãi rất là cung-kính. Đồng hồ trên tường đánh 12 giờ, Mã-Tu mời hai người sang phòng ăn dự tiệc. Lệ-Ti ngồi giữa, Mã-Tu và Mạch-Hải ngồi hai bên. Đồ ăn bưng lên, chén tạc chén thù rất là vui-vẻ, bọn Lệ-Ti tuyệt-nhiên không biết một tí gì về sự giả-dối của Mã-Tu. Mã-Tu chỉ sợ tiết-lộ cơ-mưu nên trong lòng áy-náy không yên, tuy hết sức trấn-tĩnh nhưng con mắt không khỏi lấm-lét, thỉnh-thoảng lại dường như nghĩ tận đâu đâu, Lệ-Ti hỏi một đằng lại đáp đi một nẻo, khiến cho Lệ-Ti phải ngạc-nhiên mới hỏi :

— Ông Mặc-Nhĩ, hình như ông có điều gì không vui hẳn ?

Mã-Tu chợt tỉnh-ngộ, vội-vàng nói chữa :

— Không, có điều gì đâu, cô hạ-cố đến chơi thì còn gì vui hơn cho tôi nữa.

Lệ-Ti nghe nói tin là thật, cũng bỏ qua không để ý đến nữa. Nhưng cái vẻ gian của Mã-Tu thỉnh-thoảng lại hiện trên sắc mặt, Mạch-Hải cũng hơi ngờ, hỏi :

— Hình như ông Mặc-Nhĩ trong người khó ở hẳn, sao tôi trông ông ngơ-ngác thế ?

Mã-Tu đã hơi cuống, nói gượng :

— Không, tôi có làm sao đâu, chẳng qua là độ này làm việc nhiều mất ngủ, nên tinh-thần mỏi-mệt đấy thôi.

Đang nói chuyện thì cánh cửa bật mở, một bọn cảnh-binh bốn năm người nối gót nhau vào. Mạch-Hải và Lệ-Ti ngạc-nhiên buông cốc đứng dậy, nhìn nhau không hiểu là thế nào. Mã-Tu từ-từ đứng dậy, chỉ vào hai người nói với bọn cảnh-binh :

— Đây, hai người này, các ông bắt đi.

Dứt lời, bọn cảnh-binh sấn đến bắt hai người. Lệ-Ti nổi giận, quát lên hỏi Mã-Tu :

— Ông sai bắt chúng tôi về tội gì ?

Mã-Tu mỉm cười :

— Không có gì lạ, cứ theo họ đi tự khắc biết.

Lệ-Ti bấy giờ mới rõ cái thái-độ gian-trá của Mã-Tu, khí tức bốc lên đùng-đùng, vẫy mình mạnh một cái thoát khỏi tay bọn cảnh-binh, tìm đường thảo chạy. Nhưng Mã-Tu và cảnh-binh đuổi theo bắt, nàng mới đem hết sức sinh-bình ra chống-cự. Mạch-Hải lúc bấy giờ cũng gỡ ra được, xông vào trợ-chiến. Thế là trong nháy mắt, cái phòng đã thành ra một nơi hỗn-chiến lung-tung. Lệ-Ti thừa cơ phá được cửa sổ nhảy ra ngoài. Nhưng chẳng may làm sao, ngoài cửa sổ lại có rêu trơn, nàng trượt chân ngã thành ra bị chúng bắt được. Bên trong, Mạch-Hải thế cô, rút lại cũng cùng Lệ-Ti chung một số-phận. Rồi, chiếc xe hồng-thập-tự đã đỗ sẵn ở ngoài mở máy đem hai người đi, đi đến nhà thương phong.

Mã-Tu đứng tựa cửa, trông xe chạy mà đắc-chí, mỉm cười.

(Còn nữa)

Tùng-Toàn *dịch-thuật*

VĂN-UYỂN

Tặng thầy giáo (1)

Đương lối nhà Nam lại trở Tây,
Trò nào trống ấy thế mà hay ;
Bảng vàng bia đá còn ưa mắt,
Quản sắt ngòi chì đã tới tay ;
Xét kỹ năm châu thêm nhớ nước,
Lẩu thông đôi ngả mới nên thầy ;
Từ khi dổi bước sang đường mới,
Cũ chửa là may mới đã may.

Tặng tình-nương

Ô-thước bên cầu mới gặp nhau,
Kìa cô Chức-nữ nọ chàng Ngâu ;
Phấn son ưa vẻ vầng trăng bạc,
Tơ tóc riêng tình với gió thâu ;
Khách đã gần quen hơi Bích-ngọc,
Người còn e bận giấc Trang-châu ;
Ai ơi muốn mở đường đi lại,
Chỉ ngại ong ve khéo đặt điều.

Tặng kim-quất cho bạn tỉnh Bắc

Kim-quất xưa nay vẫn tiếng đồn,
Tròn kia ai khéo khéo vo tròn ;
Giang nam chung giống nghìn hàng đỏ,
Kinh bắc riêng lòng một tấc son ;
Quả-kiếp khéo tu này quả tốt,
Mùi đời biết nếm ấy mùi ngon ;
Kho trời còn lắm đồ trân-bảo,
Ta vẫn ngon bùi với nước non.

CH. B. T.

∴

Vịnh tứ-thời

Xuân

Khen thay thợ tạo khéo xoay-vần,
Hết rét nay mừng đã đến xuân ;
Chim hót hoa cười chào cố-chủ,
Đào đưa liễu đón chúc đông-quân ;
Cỏ hoa mừng mặt trong ba xứ,
Non nước vui lòng khắp bốn dân ;
Chín chục thiều-quang mưa gió thuận,
Mầu Hồng chồi Lạc nở ra dần.

Hạ

Thấm thoắt xuân qua đã đến hè,
Lập-lòe lửa lựu đỏ hoe-hoe ;
Năm canh quốc gọi hồn lai-láng,
Sáu khắc ve kêu tiếng éo-le ;
Mây cuốn đầy trời gò đống rợp,
Gió lay khắp đất rãnh hồ se ;
Tình-cờ gặp được vua Hi đến,
Trò chuyện thâu đêm tỉnh giấc hòe.

Thu

Tháng bảy người rằng ấy tháng Ngâu,
Gió vàng hây-hẩy suốt đêm thâu ;
Sen vừa đứng hạt nơi bùn vẩn,
Cúc đã phơi mầu đám cỏ lau ;
Đáy nước trăng soi in chiếc bóng,
Đầy trời sao mọc vắt ngang cầu ;
Thuyền ai lững-thững trên dòng biếc,
Nhủ khách Hằng-nga sẽ đến mau.

Đông

Vừa tuần gió mát với trăng trong,
Nay đã xoay vần đến tiết đông ;
Lác-đác sương sa trên khóm trúc,
Rung-rinh gió thổi giữa ngàn thông ;
Cánh hồng phất-phới theo chiều gió,
Đống tuyết rầm-rìa nẩy cành bông ;
Vui thú xui nên quên cả rét,
Ôm lồng hương ngát tới thư-phòng.

VĂN-SƠN

(1) *Thầy giáo này nguyên con nhà Nho-học, đã từng đi thi trường Nam, sau thi đỗ bằng Pháp-Việt sơ-học.*

62

.*.

Gái lăng-mạn

(Hát xẩm)

Tân thì thời, tân thì thời,
Em nay gặp cái buổi tân-thời,
Xuân xanh đương độ, cũng ăn chơi cho đủ mùi.

Phấn son em tô-điểm trau giồi,
Cái gương cái lược chẳng ngơi lúc nào.
Áo quần em ăn mặc bảnh-bao,
Áo mùi quần trắng, chiều nào em cũng thướt-tha.

Em rẽ đầu khác lối ngày xưa,
Tóc trần mà cài lược, bây giờ đua nhau.
Hoa tai đầm em thích làm sao!
Giầy đầm mà em thải bấy lâu đã nhiều.
Đeo cái quả tim em ra dáng mi-miều,
Cười nhe răng trắng biết bao nhiêu là tình!

Chẳng ăn chơi cho đủ vẻ đủ vành,
Má hồng giữ mãi cái xuân-xanh được [nào?
Ca-lâu hí-viện ra vào,
Bao-nguyên em thấy những chiêm-bao đi về.

Các môn thể-thao em rất sành nghề,
Biết bao bạn gái ở nhà quê chưa từng.
Em đánh quần, danh-tiếng lẫy-lừng,
Tiểu-thư mà đi bộ mấy ngày đường, em cũng chẳng e.
Đương cái buổi tự-do, em chẳng phải rụt-rè,
Hễ xong cơm tối là đi đua đàn.

Đêm khuya thân gái đi tràn,
Gặp mấy chàng công-tử mà lan-man cũng là.
Cái lối nhảy đầm em cũng biết qua,
Làm thân gái mới ta phải biết nhà « đăng-xinh ».
Nhịp kèn ta đã nghe sành,
Tay ôm mà chân dún rập rình, vui thật là vui!
Cái thói ngày xưa, em nghĩ cũng nực cười!
Nữ nhi cứ giữ một nơi khuê-phòng.
Cầm cung mà đề kén chồng,
Đời này cứ thế, thì ai không bực mình!
Sao cho rõ mặt thành mà khuynh thành.

Tương-giang-thị

.*.

Ta uống rượu ta

Nam-đồng-Ích, *rượu* Nam-đồng-Ích,
Người nước ta, ta thích rượu ta;
Cả rượu đậu với rượu hoa,
Nấu toàn gạo nếp không pha chút nào.
Men thuốc bắc để lâu càng đậm,
Mua nống rồi thử ngẫm về sau;
Say không chóng mặt đức đầu,
Vệ-sinh chẳng có chút nào hại ai.
Vì có đắt một vài chính lẻ
Đắt mà ngon cũng kể đồng tiền;
Người Nam buôn bán nghề quen,
Cũng nên nghĩ đến lợi quyền nước ta.
Bởi rò chén hóa ra cạn nước,
Nếu lọt sàng còn được xuống nia;
Hỡi người tâm-huyết ta kia,
Sông Ngô chớ để làm bia miệng đời.
Khắp thôn quê cùng nơi thành-thị,
Giúp đồng-bào kinh-tế ngày nay;
Những khi đình-đám, ma, chay,
Ta mua ta uống rượu này của ta.
Nam-đồng-Ích mới ra rượu mới,
Lợi nước nhà vớt lại mấy-may;
« Bát-tiên » êm giọng mà say,
« Mai-hoa » *lại có hương bay ít nhiều.*
Ấy hai hiệu thương tiếu là thế,
Còn rượu mùi rồi sẽ ra sau;
Mấy lời kính-cáo đồng-bào.

N. Đ. I.

THỜI-ĐÀM

■

PHÁP

Nội-các Doumergue từ-chức, ông Flandin lập Nội-các mới.

Các quan tổng-trưởng về đảng Xã-hội Cấp-tiến vì không đồng ý-kiến với chính-phủ DOUMERGUE về việc hạn-định quyền-hạn của Thượng-nghị-viện, quan Thống-lĩnh có quyền giải-tán Hạ-nghị-viện không phải hỏi ý-kiến Thượng-nghị-viện và việc ngân-sách hàng tháng về khoản chi-thu tạm, nên xin từ-chức.

Quan thủ-tướng DOUMERGUE và các quan Tổng-trưởng khác cũng xin từ-chức nốt.

Thế là toàn-thể Nội-các DOUMERGUE từ-chức ngày 8 Novembre.

Ông FLANDIN là tổng-trưởng bộ Công-tác trong Nội-các DOUMERGUE được cử ra lập Nội các mới và ngày 9 Novembre đã lập xong như sau này:

Các ông:

FLANDIN: Thủ-tướng, không kiêm giữ bộ nào;
HERRIOT và MARIN: Quốc-vụ-khanh, không kiêm giữ bộ nào;
LAVAL: Ngoại-giao;
RÉGNIER: Nội-vụ;
Nguyên-soái MAURIN: Chiến-tranh;
GERMAIN MARTIN: Tài-chính;
LOUIS ROLLIN: Thuộc-địa;
PERNOT: Tư-pháp;
PIÉTRI: Hải-quân;
Nguyên-soái DENAIN: Không-quân;
MARCHANDEAU: Thương-mại;
MALLARMÉ: Quốc-gia giáo-dục;
ROY: Công-tác;
WILLIAM BERTRAND: Thương-thuyền;
JACQUIER: Lao-động;
RIVOLLET: Hưu-bổng;
CASSEZ: Canh-nông;
QUEUILLE: Y-chính;
MANDEL: Bưu-điện.

Ông PERREAU PRADIER làm thứ-trưởng tòa Nội-các.

Trong Nội-các này gồm có bốn ông Thượng-nghị-viên là LAVAL, RÉGNIER, ROY, CASSEZ; ba ông nghị-viên là nguyên-soái DENAIN, nguyên-soái MAURIN và ông RIVOLLET. Năm ông Xã-hội Cấp-tiến là HERRIOT, MARCHANDEAU, QUEUILLE, WILLIAM và JACQUIER. Ba ông Công-hòa tả-đảng là FLANDIN, PIÉTRI và PERREAU PRADIER. Một ông trung-ương Cộng-hòa là ROLLIN; hai ông Cấp-tiến tả-đảng là GERMAIN MARTIN và MALLARMÉ. Một ông Cộng-hòa xã-hội là PERNOT; một ông Cộng-hòa liên-hiệp là MARIN; một ông độc-lập là MANDEL.

Hôm ra trình-diện tại nghị-viện, quan thủ-tướng FLANDIN đọc tờ tuyên-bố của Nội-các, đại-đề cũng như tôn-chỉ Nội-các DOUMERGUE, được phái tả, hữu và trung-ương luôn luôn vỗ tay hoan-nghênh, nhất là lúc quan Thủ-tướng cực-lực phản đối thuyết độc-tài.

Kết-cục Viện bỏ 423 phiếu hoan-nghênh Nội-các, chỉ có 118 phiếu phản-đối thôi.

Ngân-sách năm 1985

Ủy-ban tài-chính Hạ-nghị-viện đã định ngân-sách năm 1935 như sau này:

Chi: 47.572 triệu quan.
Thu: 46.985 — —

Thế là số chi thặng 587 triệu quan.

Số dân thất-nghiệp vẫn tăng lên

Nạn kinh-tế khủng-hoảng ở Pháp vẫn chưa hết nên số dân thất-nghiệp cứ tăng lên hoài.

Vừa rồi người ta tính ra ở Pháp có đến 334.501 người thất-nghiệp, nhiều hơn thời-kỳ ấy trong năm ngoái tới 108.007 người.

Lại một vụ gian-lậu lớn hơn vụ Stavisky

Vụ gian-lậu *Stavisky* đã tưởng là một vụ có một không hai, chưa kết-liễu, thì mới đây các báo ở Pháp lại đăng tin có một vụ gian-lậu mới vỡ lở ra lớn gấp mấy vụ *Stavisky*. Đó là hai anh em JOSEPH và CHARLES LÉVY, nhà tài-chính có tiếng của Pháp, chủ nhà băng *Société spéciale financière*, biển-thủ của chính-phủ Pháp từ 200 đến 1.000 triệu quan. Số tiền đó nhà nước gửi để mở rộng thương-khẩu *Rouen* và sửa-sang cửa sông *Seine*.

Lính phái đến nhà băng *Société spéciale financière* thu đến bốn xe ca-mi-ông giấy má sổ sách về để xét.

Hiện đã bắt và tống-giam JOSEPH LÉVY, còn CHARLES LÉVY thì đã trốn mất. Tòa án và sở mật-thám đã báo tin ấy đi khắp các nơi để ngăn-ngừa sự CHARLES trốn ra ngoại-quốc.

Chưa rõ có những yếu-nhân nào trong chính-giới can-dự vào như vụ *Stavisky* không?

Người ký hiệp-ước Thiên-tân đã tạ-thế

Trong số báo tháng Août, bản-chí có nói đến đề-đốc FOURNIER về dịp lễ kỷ-niệm ngũ-thập chu-niên hiệp-ước Thiên-tân. Chính đề-đốc FOURNIER đã ký hiệp-ước Thiên-tân với Lý Hồng-Chương năm 1884, là điều-ước chính-phủ Tàu thừa-nhận cuộc bảo-hộ hai xứ Trung-Bắc-kỳ của nước Pháp.

Mới đây có tin đề-đốc đã tạ-thế và tang-lễ đã cử-hành ngày 10 Novembre. Rất nhiều người trong quân-giới và chính-phủ Pháp đi đưa đám.

Năm nay đề-đốc thọ 92 tuổi.

Tình-hình kinh-tế các thuộc-địa

Quan Thuộc-địa Tổng-trưởng ROLLAN có trình-bày trong hội-đồng nội-các trước rằng tại Tây Phi-châu, *Madagascar* và Đông-dương tình-hình kinh-tế đã mỗi ngày một khá. Ông cho rằng đó là nhờ ở sự mẫu-quốc và thuộc-quốc hợp-tác với nhau.

Vấn-đề hạt Sarre

Ngày dầu-phiếu xem dân hạt *Sarre* muốn theo về nước Pháp hay về nước Đức đã gần đến. Pháp sợ Đức dùng võ-lực làm trở-ngại cuộc dầu-phiếu ấy hoặc đến chiếm hạt *Sarre*, nên nước Pháp đã dự-bị quân-đội tại biên giới hạt *Sarre* để đề-phòng các việc bất-ngờ. Nước Pháp lại có yêu cầu Anh can-thiệp vào nếu có việc võ-lực như thế xảy ra. Dư-luận Đức phản-đối việc dự-bị quân-đội ấy.

ANH

Trong hội-nghị Hải-quân năm 1935

Ngày 24-10, trong buổi họp để sắp đặt cuộc hội-nghị hải-quân năm 1935 tại Luân-đôn, các đại-biểu Nhật-bản tuyên-bố không chịu nhận con số quân-phân là 3 cho Nhật và 5 cho Anh và Mĩ, như điều-ước Hoa-thịnh-đốn đã định về số hải-quân của ba nước.

∴

MĨ

28 triệu người nguy-khốn

Chính-phủ Hoa-kỳ có gửi một tờ thông-cáo nói về 23 triệu người Hoa-kỳ đang sống trong cảnh nguy-khốn.

Sở-dĩ số người nguy-khốn tăng lên như vậy là vì cơn đại-hạn vừa rồi và do ở nạn thất-nghiệp trầm-trọng mà ra.

∴

Ý

Lễ kỷ-niệm thập-nhị chu-niên đảng Phát-sít

Đảng Phát-sít cầm quyền-chính đến nay được 12 năm. Mới rồi đã làm lễ ăn mừng thập nhị chu-niên.

∴

XIÊM

Việc Xiêm-hoàng muốn thoái vị

Số báo trước đã đăng tin Xiêm-hoàng có ý muốn thoái-vị, vì Quốc-dân nghị-hội đã truất bớt quyền của vua trong việc xử án tử-hình.

Hiện nay người ta dự-định hai điều: một là tôn một vị hoàng-thân lên nối ngôi, hai là cử một quan Thượng-thư đáp máy bay sang Anh (vì vua đang du-lịch ở Anh) để điều-đình với vua cứ ở ngôi. Bức điện-tín của vua gửi về nước xin thoái-vị chưa có trả lời. Trong nước vẫn được yên-ổn.

∴

NHẬT

Thêm ba cù-lao mới nổi lên

Vừa rồi ở gần duyên-hải *Kageshima* mới nổi lên 3 cái cù-lao nhỏ, mỗi cái bề ngang đo được chừng 150 thước. Thế là Nhật lại thêm được ít đất nữa.

Lại tai-hại về mưa bão

Tháng trước đây Nhật đã bị một trận bão làm chết hàng mấy nghìn người và thiệt-hại hàng mấy triệu hoa-viên. Vết thương ấy chưa lành thì hôm 1 Novembre thành Đông-kinh lại bị một trận bão lớn nữa, làm cho thành Đông-kinh và các vùng lân-cận có tới 15.000 nhà bị ngập. Còn sự thiệt-hại khác chưa biết là bao nhiêu.

Cuốn sách của Hitler được dịch ra Nhật-văn

Cuốn sách của HITLER nhan-đề là «*Mein Kampf*» nghĩa là cuộc phấn-đấu của tôi, HITLER không chịu bán bản-quyền cho ai hết. Một nhà xuất-bản Pháp đem cuốn sách ấy dịch ra Pháp-văn bị nhà xuất-bản Đức kiện thua. Thế mà không hiểu vì sao mới đây HITLER lại chịu cho phép chính-phủ Nhật đem dịch sang Nhật-văn.

Chính-phủ Nhật đã giao cho một ban Văn-học trường Cao-đẳng ở Đông-kinh chuyên dịch cuốn sách ấy.

Tại làm sao hàng Nhật rẻ?

Trong bài diễn-thuyết của ông SAITO, sứ-thần Nhật ở Hoa-kỳ, có nói rằng sở-dĩ hàng Nhật rẻ là tại nhân-công Nhật rẻ. Nhân-công ấy chỉ sống về cơm gạo tầm-thường mà phần nhiều nhân-công các nước không thể sống bằng thứ thực-phẩm ấy được.

THỜI-CỤC NƯỚC TÀU

■

Nước Tàu ngày nay vẫn còn đảng cộng-sản quấy-rối, Tưởng Giới-Thạch phải cầm quân đi tiễu-cộng. Quân Tưởng có đánh mấy trận kịch-liệt với quân Cộng ở Phúc-kiến. Quân Cộng bị thua phải tháo lui rút về rừng núi ở miền bắc Quảng-đông. Quân chính-phủ thừa thắng đuổi theo đến tận biên-giới tỉnh Phúc-kiến.

Tưởng Giới-Thạch vì bận công việc tiễu Cộng ấy, nên có xin hoãn cuộc hội-nghị Trung-ương toàn-thể lần thứ năm. Theo như đảng-cương nguyên định mở vào đầu tháng Novembre này, nhưng mới rồi Tưởng Giới-Thạch ở Hà-nam có điện về chính-phủ Trung-ương nói rằng đảng Cộng-sản hoành-hành, lây-lan khắp 9 tỉnh, việc tiễn-tiễu hiện đang tiến-hành, cần phải kíp trừ cho tuyệt mới mong khôi-phục được. Nếu như kỳ mở cuộc hội nghị, các tướng-lĩnh đều phải nghỉ việc đến dự, quân-đội không người thống-suất, e lòng quân không chuyên. Vậy xin hãy tạm thời triển-hoãn.

Theo như ý Tưởng, chính-phủ Trung-ương đã định hoãn đến ngày 10 Décembre.

Trương Học-Lương từ khi du-lịch Âu-châu trở về, vì xét thấy dân-chúng các nước đều một lòng sốt-sắng ủng-hộ người lĩnh-tụ, khiến cho người lĩnh-tụ được mạnh-bạo làm việc không còn ai ngăn-trở làm khó-khăn, nên không những một mình Trương hiện nay một lòng ủng-hộ Tưởng Giới-Thạch làm một lĩnh-tụ duy-nhất để phục-hưng Trung-quốc, ngay đến các tướng-lĩnh bộ-hạ của Trương cũng đều thề theo ý ấy, lập ra « ủng Tưởng cán-lộ », có 500 người giúp việc để dẫn-đạo dân-chúng.

Thế-lực Tưởng ở nước Tàu hiện nay được nhiều người ủng-hộ như thế thì lại càng mạnh thêm. Tưởng có đến Qui-châu thuộc tỉnh Tuy-dương, lại có tin Tưởng sẽ đến Thượng-bắc, cương-giới Tàu và Mông-cổ để điều đình cùng các phái-viên Mông-cổ và giải-quyết cho xong các việc khó-khăn của Nội-mông và Nam-kinh.

Chính-sách của người Nhật đối với nước Tàu

Người Nhật ngày nay đã thực-hành cái chính-sách cương-quyết của Điền-Trung (Tanaka), chiếm hẳn lấy Mãn-châu làm nơi căn-cứ, để thân-trương thế-lực ở phía bắc nước Tàu, làm cho Mĩ phải rụt lại không dám can-thiệp, mà Nga cũng phải im đi không dám cấu-khích, để chực chiếm lấy quyền-lợi một mình. Theo như kế-hoạch của Điền-Trung thì còn phải đặt thêm đường sắt ở phía Bắc-Mãn, để di-dân sang kinh-doanh các điều thuộc về kinh-tế và chính-trị, và làm cho mạnh thêm thế-lực lên. Người Nhật cho rằng những đường sắt phía Nam Mãn chỉ có mục-đích kinh-tế mà thôi, còn thiếu các đường cần-yếu cho sự vận-tải các vật-hạng và quân-dụng. Nay phải xoay về mục-đích binh-lực làm yếu điểm, đặt ra những đường sắt chạy bao quanh cách nào để làm trung-tâm-điểm cả hai xứ Mãn Mông, thế là đường kinh-tế, chính trị và binh-lực của nước Tàu bị trói chặt trong tay người Nhật.

Người Nhật lại thi-hành ba cái chính-sách độc-ác ở miền Hoa-bắc: Một là đem thuốc phiện truyền khắp những nơi mà Nhật đã chiếm-cứ được, đâu đâu cũng mở ra tiệm hút có con gái chiêu-đãi, các thanh-niên Tàu mắc nghiện rất nhiều. Cứ theo cuộc điều-tra của Mãn-châu chính-bộ thì số người nghiện á-phiện đã tới chín trăm vạn, số tiền phí về thuốc phiện đồng-niên nhiều tới 5 ức 71 nghìn 8 trăm 40 vạn đồng. Hai là khuếch-trương nghề mãi-dâm, các nơi thành-trấn chỗ nào đông người đều cho mở nhà điếm người Nhật, người Triều-tiên, không có hạn-chế gì cả, đều được miễn thuế doanh-nghiệp để tỏ ý khuyến-khích, làm cho lan mãi nọc độc dương-mai ra. Nhất là ở Thẩm-dương, gái điếm Nhật đã tới hơn nghìn người. Ba là mở nhà chứa cờ bạc. Khắp các huyện-trấn ở Đông-bắc, chỗ nào cũng có người Nhật người Triều-tiên, cùng bọn Hán-gian công-nhiên mở sòng cờ bạc. Nhiều nhất là ở Thẩm-dương và Cáp-nhĩ-tân, trong đó có những tiệm: Cương-thôn, Phúc-ký, Sâm-điền là qui-mô rất lớn. Hằng tháng Cương-thôn nộp tiền thuế năm vạn đồng bạc Nhật, Phúc-ký nộp ba vạn đồng, Sâm-điền hai vạn đồng trở lên. Những hạng đồ-trường ấy phi người có lưng vốn một ngàn đồng bạc trở lên không thể vào được.

Những nhà chứa bạc tại Cáp-nhĩ-tân đều tổ-chức theo cách của người Bạch-Nga về mấy năm trước, mỗi một câu-lạc-bộ bạc vốn hai nghìn đồng cũng có, tùy theo từng nơi câu-lạc-bộ lớn nhỏ, hằng tháng nộp tiền thuế đã vượt qua một vạn đồng trở lên.

Phàm những nơi sòng bạc, chỗ nào cũng có người đông như chợ. Cứ cuộc điều-tra của Đại-liên-thị về các sòng bạc rất lớn, ước-lược như sau:

1) Câu-lạc-bộ của tiệm Hí-lạc-viên, tư-bản năm trăm vạn đồng bạc Nhật. Mỗi buổi tay bạc ra vào nhiều tới năm sáu nghìn người. Hàng ngày được tiền hồ lớn trên sáu nghìn đồng.

2) Câu-lạc-bộ của tiệm Viễn-đông, tư-bản một trăm vạn đồng bạc Nhật, hằng ngày được tiền hồ hơn một nghìn năm trăm đồng, mỗi buổi tay bạc ra vào cũng gần bốn năm nghìn người.

3) Câu-lạc-bộ của tiệm Song-hỉ, tư-bản một vạn đồng bạc Nhật, tay bạc ra vào hằng ngày tới một nghìn năm trăm người, mỗi buổi tiền hồ được ước trên hai nghìn đồng.

4) Câu-lạc-bộ của tiệm Đại-đồng, tư-bản 50 vạn đồng bạc Nhật, tay bạc ra vào hằng ngày trên một nghìn người, mỗi buổi được tiền hồ chừng một nghìn ba bốn trăm đồng.

5) Câu-lạc-bộ của tiệm Thiên-quan, tư-bản năm trăm vạn đồng bạc Nhật, tay bạc ra vào hằng ngày trên năm nghìn người, được tiền hồ chừng hai nghìn năm trăm đồng.

Nói tóm lại là cái chính-sách hút hết máu mỡ của người Tàu ở miền đông-bắc.

VIỆC TRONG NƯỚC

Quan cai-trị Marty thăng Khâm-sứ Ai-lao.— Quan Giám-đốc chính-trị Đông-dương Louis Marty là người sáng-lập bản-chí mới được thăng-bổ quyền Khâm-sứ Ai-lao thay quan Khâm-sứ Eutrope về Pháp nghỉ hồi cuối năm nay.

Nhân dịp này báo Sài-gòn và Trung-Bắc có đăng những bài kỷ-thuật về chính-tích của ngài lược như sau này:

Ngài là quan cai-trị lâu năm đã giúp ích cho người Nam ta được nhiều việc.

Ngài biết rõ tâm-lý người Nam, hiểu rõ tiếng Nam và nhiều cảm-tình với người Nam.

Từ năm 1907, khi đứng đầu ti chính-trị phủ Toàn-quyền, khi cầm quyền thủ-hiến một tỉnh, nhiều lúc gặp thời-kỳ khó-khăn, mà bao giờ ngài cũng tỏ ra có trí sáng-suốt khôn-khéo.

Hồi Âu-chiến, Ngài đứng đầu phòng chính-trị phủ Toàn-quyền, ngài cho soạn ra sách «*Âu-châu chiến-sử*» để cổ-động thế lực nước Pháp ở Tàu và phản-đối lại việc cổ-động của Đức ở Giao-châu (thuộc Đức).

Sau hồi Âu-chiến ngài sáng-lập ra «Nam-Phong tạp-chí» cốt để duy-trì phong-hóa và chấn-hưng quốc-văn cho nước ta. Lại sáng-lập ra hội «Khai-trí Tiến-đức» (A. F. I. M. A.), hội-họp được tất cả các nhà thượng-lưu trí-thức trong nước, mục-đích tuy ở bốn chữ tên Hội, nhưng thâm-ý để gây mối liên-lạc giữa các bậc trí-thức Tây Nam, dung hòa hai cái văn-hóa Đông Tây và cổ-động cho chủ-nghĩa Pháp-Việt đề-huề.

Từ năm 1925 ngài giữ chức Thủ-hiến Hà-tĩnh Nghệ-an, là hồi Nghệ-Tĩnh sắp xảy ra các cuộc biến-động; năm 1926, 1927 là hồi ông Phan Bội-Châu về nước, ông Phan Tây-Hồ tạ-thế, khắp trong nước xảy ra những cuộc biểu-tình và bãi-khóa của thiếu-niên học-sinh; lại đảng «Phục-Việt» đảng «Tân-Việt» kế-tiếp nhau lập nên ở miền bắc Trung-kỳ, thiếu-niên dự vào các đảng ấy rất đông. Thế mà ngài dùng những phương-pháp khôn-khéo thân-thiện, những chính-sách ôn-hòa khoan-hồng mà đối-phó, mà ngăn-bảo khuyên-răn, không phải bắt tội lỗi nhiều người, mà dẹp yên được những tay cách-mệnh, trong hạt không có cuộc biểu-tình bãi-khóa nào, các đảng-bội cũng đều tan cả.

Đến lúc phong-trào Cộng-sản bắt đầu nhóm lên ở Vinh, chính là hồi ngài sắp từ-giã tỉnh Nghệ-an về Pháp nghỉ, nhưng ngài cũng đã có công ngăn-ngừa được bao nhiêu sự bạo-động, lưu-huyết trong tỉnh rồi.

Trong việc cai-trị, bao giờ ngài cũng lấy chính-sách thân-dân làm cốt. Các nhà kỳ-cựu học-thức, các hưu-quan hàng tỉnh, bao giờ cũng được ngài có bụng nể vì, mỗi khi thi-hành việc gì lớn-lao trong tỉnh, ngài thường cũng hỏi ý-kiến. Vậy khi ngài từ-giã Nghệ-an, ai ai cũng tỏ ý mến-tiếc.

Nhiều người trí-thức miền Nghệ-an nay vẫn thường nói: «Nếu quan Công-sứ Marty còn ở lại trong hồi biến-động từ năm 1930-1932 thì có lẽ miền Nghệ-Tĩnh đã tránh được bao nhiêu việc lưu-huyết đáng tiếc.»

Câu đó chưa biết có được xác-đáng không, nhưng đủ tỏ ra rằng ai cũng thâm-phục ngài lắm.

Nay quan cai-trị MARTY đổi sang trọng-nhậm chức Khâm-sứ Ai-lao, chắc ngài sẽ đem cái tài chính-trị khôn khéo để mở mang cho một xứ mà từ trước đến nay vẫn chịu phận « đi sau bước chậm » trên đường tiến-bộ. Thật là một dịp may cho xứ Lào vậy.

Phủ Toàn-quyền mở thêm một phòng giấy nữa. Quan Toàn-quyền mới ký nghị định đặt thêm một phòng giấy thứ sáu nữa. Công việc của phòng giấy này chuyên xét và thảo những thể-lệ các thứ xe vận-tải ở trên bộ, khám xét các tầu bè đi biển, việc hàng-không và việc du-lịch, cùng cổ-động sự mở-mang xứ Đông-dương.

Khánh-thành đài kỷ-niệm ông Auguste Morère. — Ngày 28 *Octobre* 1934, các quan chức có làm lễ khánh-thành đài kỷ-niệm ông AUGUSTE MORÈRE tại Phú-riêng trên con đường núi *Bara* (cách xa Sài-gòn 137 cây số). Đài kỷ-niệm này cốt để ghi công-đức ông MORÈRE là quan cai-trị ở tốt với dân Mọi, mà bị dân Mọi giết ngày 26 *Octobre* 1933.

Hội-đồng Kinh-tế và Tài-chính Bắc-kỳ. — Ngày 5 *Novembre*, Hội-đồng Kinh-tế và Tài-chính Bắc kỳ đã khai-mạc kỳ hội-đồng thường-niên năm 1934 tại phòng hội-đồng tòa Đốc lý Hà-nội, do quan Thống-sứ HOLANCE chủ-tọa

Hội Phật-giáo ở Hà-nội mới thành-lập. — Ngày 6 *Novembre* 1934, quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã ký nghị-định cho phép hội Phật-giáo được thành-lập ở Hà-nội, do quan Tổng-đốc trí-sĩ Nguyễn Năng-Quốc làm hội-trưởng.

Ngày 18 *Novembre*, hội Phật-giáo đã họp kỳ hội đồng lần thứ nhất tại chùa Quán-sứ Hà-nội để bầu ban quản-trị và dự-thảo qui-điều của hội. Ban trị-sự có các ông sau này :

Quan Hiệp-tá trí-sĩ Nguyễn Năng-Quốc làm chánh hội-trưởng.

Hai ông Nguyễn Văn-Ngọc và Nguyễn Quốc Thành làm phó hội-trưởng.

Ông Lê-Dư làm quản-lý.

Ông Phạm Mạnh-Xứng làm chánh thủ-quĩ.

Ông Lê Toại làm phó thủ-quĩ.

Ông Trần Văn-Phúc làm thư-ký.

Hai ông Văn Quang-Thuy và Nguyễn Văn-Minh làm phó thư ký.

Bốn ông Lê Văn Phúc, Cung Đình-Bính, Trần Văn-Giác và Trần Văn-Giáp làm giám-sát.

Ngoài ra có nhiều vị cố-vấn, đều là những người danh-vọng học-thức trong thành-phố cả.

Trường Thể-dục Hà-nội lập thành hội Thể-dục Bắc-kỳ. — Nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ ngày 5 Novembre cho phép trường Thể-dục Hà-nội lập thành hội Thể-dục Bắc-kỳ (*Société d'Education physique du Tonkin*), viết tắt là Septo.

Tin làng báo. — Hội-đồng Chính-phủ tại Sài-gòn ngày 5 Novembre đã cho phép chín tờ báo được xuất-bản như sau này :

Ông Nguyễn Văn-Dầu ở Sài-gòn xuất-bản tờ tuần-báo thể-thao viết bằng quốc-văn, đặt tên là « Chân-dắc báo ».

Ông Trương Văn-Cam ở Chợ-lớn xuất-bản một tờ tuần-báo quốc-ngữ, đặt tên là «Nam-kỳ Nông-công-thương».

Ông RAVAL VABOIS trợ-bút báo « *Opinion* » ở Sài-gòn, xuất-bản một tờ nhật-báo chữ Hán đặt tên là «Tân-dân báo».

Bác-sĩ Trần Như-Lân, hội-đồng quản-hạt ở Sài-gòn, xuất-bản tờ nhật-báo đặt tên là « Đồng-thanh ».

Ông Trần Văn Khá hội-đồng quản-hạt Sài-gòn xuất-bản một tờ báo mỗi tháng ra hai kỳ viết bằng quốc-văn nói về hướng-đạo, tên đặt là « Hướng-đạo ».

Bà Băng-Dương tức Thụy-An ở Sài-gòn xuất-bản tờ tuần-báo quốc-âm đặt tên là « Đàn-bà mới ».

Tổng-cục vận-động Bắc-kỳ xuất-bản ở Hà-nội một tập kỷ yếu ra hàng tuần bằng chữ Pháp và quốc-văn đặt tên là « Les Sports ».

Ông Lê Văn-Hồ ở Hà-nội xuất-bản một tờ nhật-báo quốc-văn đặt tên là « Đời mới ».

Ông Nguyễn Văn-Tôn ở Hà-nội xuất-bản một tờ tuần-báo quốc-ngữ đặt tên là « Nhi-đồng tuần-báo ».

Đặt máy nước cho các tỉnh ở Bắc-kỳ.— Hội-đồng Chính-phủ ngày 5 Novembre đã ưng cho việc đặt máy nước ở các tỉnh thuộc xứ Bắc-kỳ như sau này: Phú thọ, Yên-bay, Lao-kay, Hải-dương, Ninh-giang, Phủ-lạng-thương, Ninh-bình, Thái-bình và Phủ lý. Số tiền tổn-phí tới 508.000$, một nửa trích trong ngân-sách công-thải, một nửa do các tỉnh phải chịu.

Khánh-thành đài kỷ-niệm quân-sĩ tử-trận trong khi hạ thành Bắc-ninh. — Ngày 10 Novembre, các quan-chức Tây Nam đã làm lễ khánh-thành đài kỷ-niệm quân-sĩ tử-trận trong khi quân Pháp hạ thành Bắc-ninh. Đài ở trước cửa dinh quan Công-sứ.

Hội Khai-trí Tiến-đức khánh-thành tượng quan Võ-hiển Hoàng Trọng-Phu. — Ngày 21 Novembre, hội Khai-trí Tiến-đức làm lễ khánh-thành pho tượng kỷ-công quan Võ-hiển Hoàng Trọng-Phu là người sáng-lập và hội-trưởng của hội.

Tượng này đúc bán-thân, to gần bằng người thật, cao hơn 50 phân tây, mặc Nam-phục, ngực đeo Bắc-đẩu bội-tinh và An-Nam long-bội-tinh, đặt trên cái bệ tròn bằng đá hoa để trong phòng hội-đồng nhà Hội-quán. Phía trên bệ đá hoa có khắc hai hàng chữ Hán thếp vàng: 武鼎殿大學士。河東蓋總督，開智進德會會長。黃仲敬相公眞像。(*Võ-hiển điện Đại-học-sĩ, Hà-đông tỉnh Tổng-đốc, Khai-trí Tiến-đức hội Hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu tướng công chân-tượng*) và bốn hàng chữ Pháp cũng thếp vàng:

A son Président
S. E. Hoàng Trọng Phu
l'A. F. I. M. A.
reconnaissante
1934

Phần dưới bệ đá hoa lại khắc mấy hàng chữ nho:

開智進德本會亞今鼎立。儼成一交際密切之團體。相公其表率也。思公德，建公像，僉議全體表決。爰銅鑄紀念活像一座，敬位于會堂之中間。恩人勳業與會俱永。倘其祀之。勿忘。

保大九年甲戌季秋，開智進德會敬題。

(*Khai-trí Tiến-đức bản-hội chi kim cũng lập, nghiêm thành nhất giao tế mật thiết chi đoàn-thể. Tướng công kỳ biểu suất dã. Tư công đức, kiến công-tượng, thiêm nghị toàn thể biểu quyết, viên đồng trù kỷ-niệm hoạt tượng nhất tọa kính vị vu hội-đường chi trung-gian, ân-nhân huân dự dữ, hội câu vĩnh, thượng kỳ kỷ chi, vật vong.*

Bảo-đại cửu niên giáp tuất qui thu. Khai-trí Tiến-đức hội kính đề).

Giúp nạn-dân Nghệ-Tĩnh Quảng-bình. — Sau trận bão lụt ngày 24-25 *Octobre*, chính-phủ đã trích trong ngân-quĩ cứu-tế 19.000 đồng bạc chẩn-cấp cho dân ba tỉnh Nghệ-an Hà-tĩnh và Quảng bình.

Đức Bảo-đại cũng sắc giao cho quan Thượng-thư bộ Tài-chính 2.000 đồng bạc để cấp cho các nạn dân ấy.

Đại-hội-đồng Chính-phủ. — Ngày 11 *Novembre*, quan Toàn-quyền đã ra nghị-định triệu-tập Hội-đồng Chính-phủ họp kỳ đại-hội-đồng thường-niên vào ngày 26 *Décembre* ở Sài-gòn, do quan Toàn-quyền ROBIN chủ-tọa.

Tiền thuế máy bật lửa trong một năm ở Nam-kỳ. — Cứ bảng thống-kê, thì máy bật lửa nhập-cảng trong năm 1933 ở Nam-kỳ tới 470.000 cái, chính phủ đánh thuế mỗi cái ba quan, cộng thu được 1.410.000 quan.

Tiền thuế diêm bị sụt vì có máy bật lửa — Trong năm 1933, vì máy bật lửa nhập-cảng nhiều, nên nhà máy diêm so với những năm trước bị ế mất 10.000 thùng diêm, chính-phủ sụt tiền thuế diêm mất 450.000 đồng bạc.

■

NAM-PHONG TÙNG-THƯ

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài)

Mới xuất-bản :

Tuồng Lôi-xích. giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

1. — Văn-minh-luận 4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp 4 hào.
4. — L'idéal du Sage 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp :
   Quyển thứ I 4 hào.
   Quyển thứ II 5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai) 5 hào.
11. — La Poésie annamite. 4 hào.
12. — Tục-ngữ ca-dao. 4 hào.